

Báo cáo

THỊ TRƯỜNG THÉP

NĂM 2020

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



MỤC LỤC

TÓM TẮT	03
PHẦN 1:	
THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI	04
1. Sản lượng thép thế giới	05
2. Diễn biến xuất nhập khẩu	07
3. Diễn biến giá	12
4. Dự báo	15
PHẦN 2:	
THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC	16
1. Tình hình sản xuất	17
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho	18
3. Diễn biến giá	20
PHẦN 3:	
THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM	23
1. Sản lượng thép Việt Nam	24
2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho	26
3. Diễn biến giá nguyên liệu	30
4. Giá thép trong nước	31
5. Dự báo	31
PHẦN 4: CHÍNH SÁCH	32
1. Việt Nam khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại	33
2. Nước ngoài khởi xướng điều tra các sản phẩm thép Việt Nam	35
PHẦN 5:	
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	38
PHỤ LỤC	44

ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN:
Nội dung: Huyền Trang, Đức Quyền
Thiết kế: Justin Bui

Năm 2020, thị trường thép toàn cầu chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch COVID-19 khi các chuỗi cung ứng bị gián đoạn bởi các lệnh giãn cách xã hội. Sản lượng thép thô tại 64 nước trên thế giới sụt giảm mạnh vào tháng 3 và tháng 4 và bắt đầu phục hồi trở lại trong những tháng sau đó.

Lũy kế 11 tháng, tổng sản lượng thép thô thế giới đạt 1.672,5 triệu tấn, vẫn giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran là số ít những nước có sản lượng cao và tiếp tục tăng trưởng trong 10 tháng đầu năm. Đà phục hồi thị trường có được nhờ động lực chính từ thị trường Trung Quốc, nước sản xuất và tiêu thụ thép lớn nhất thế giới.

Ngành thép toàn cầu được dự báo sẽ phục hồi trong năm 2021 cùng với một loạt chính sách kích cầu hạ tầng. Về nhu cầu, khi nền kinh tế toàn cầu phục hồi sau dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19, nhu cầu tiêu thụ thép thế

giới dự kiến sẽ tăng lên 1,83 tỷ tấn vào năm 2021, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Năm 2020, ngành thép Việt Nam vẫn ghi nhận những con số khả quan trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vẫn đang ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Lũy kế trong cả năm 2020, Việt Nam sản xuất được 17,219 triệu tấn thép thô, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2019. Bán hàng đạt 16,984,915 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ 2019. Trong đó xuất khẩu đạt 3.236.794 tấn, tăng gấp 3,55 lần so với cùng kỳ 2019.

Xuất khẩu thép sang Trung Quốc là điểm nhấn trong năm khi tăng đột biến cả về lượng và trị giá xuất khẩu. Trong 11 tháng năm 2019, lượng thép xuất khẩu sang nước này đạt 3,25 triệu tấn tương đương với trị giá 1,35 tỷ USD, chiếm 36,53% tỷ trọng xuất khẩu thép 11 tháng 2020 của cả nước.

Phần 1

THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI



1. Sản lượng thép thế giới

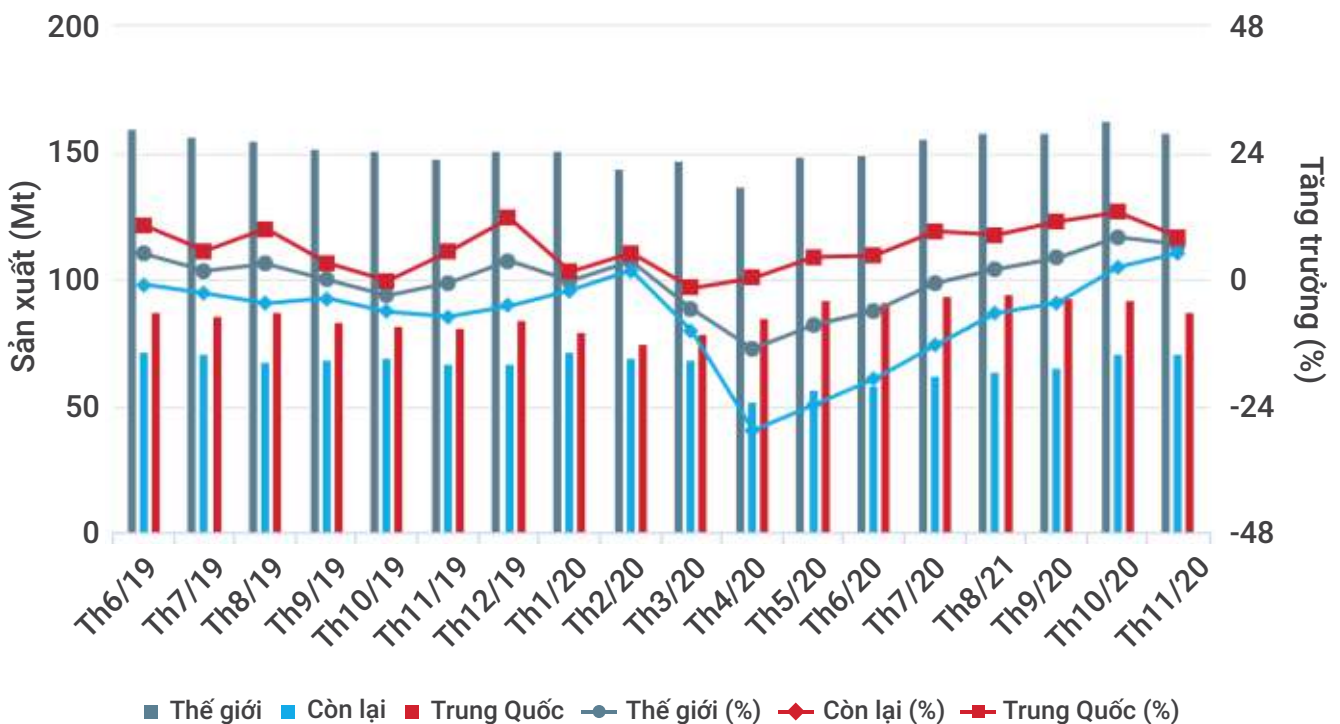
Trong năm 2020, trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn ra trên toàn cầu kéo theo sự gián đoạn về các chuỗi cung ứng đã ảnh hưởng mạnh tới ngành sản xuất cũng như tiêu thụ thép.

Sản lượng thép thô thế giới bắt đầu giảm vào tháng 3 và chạm đáy vào tháng 4 rồi phục hồi dần trong các tháng tiếp theo.

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới tháng 11 (tại 64 nước) đạt 158,3 triệu tấn, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc, nước sản xuất thép lớn nhất thế giới, đạt sản lượng 87,7 triệu tấn thép thô vào tháng 11/2020, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài Trung Quốc có 16 nước ghi nhận sản lượng thép tháng 11 trên 1 triệu tấn, dẫn đầu là Ấn Độ, Nhật Bản và Mỹ. Trong đó, 4 quốc gia, vùng lãnh thổ có tăng trưởng âm so với cùng kỳ năm trước là , Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan.

Ấn Độ đã sản xuất được 9,2 triệu tấn, tăng 3,5%; Nhật Bản sản xuất 7,3 triệu tấn; giảm 5,9%; Hàn Quốc sản xuất 5,8 triệu tấn, giảm 2,4%.



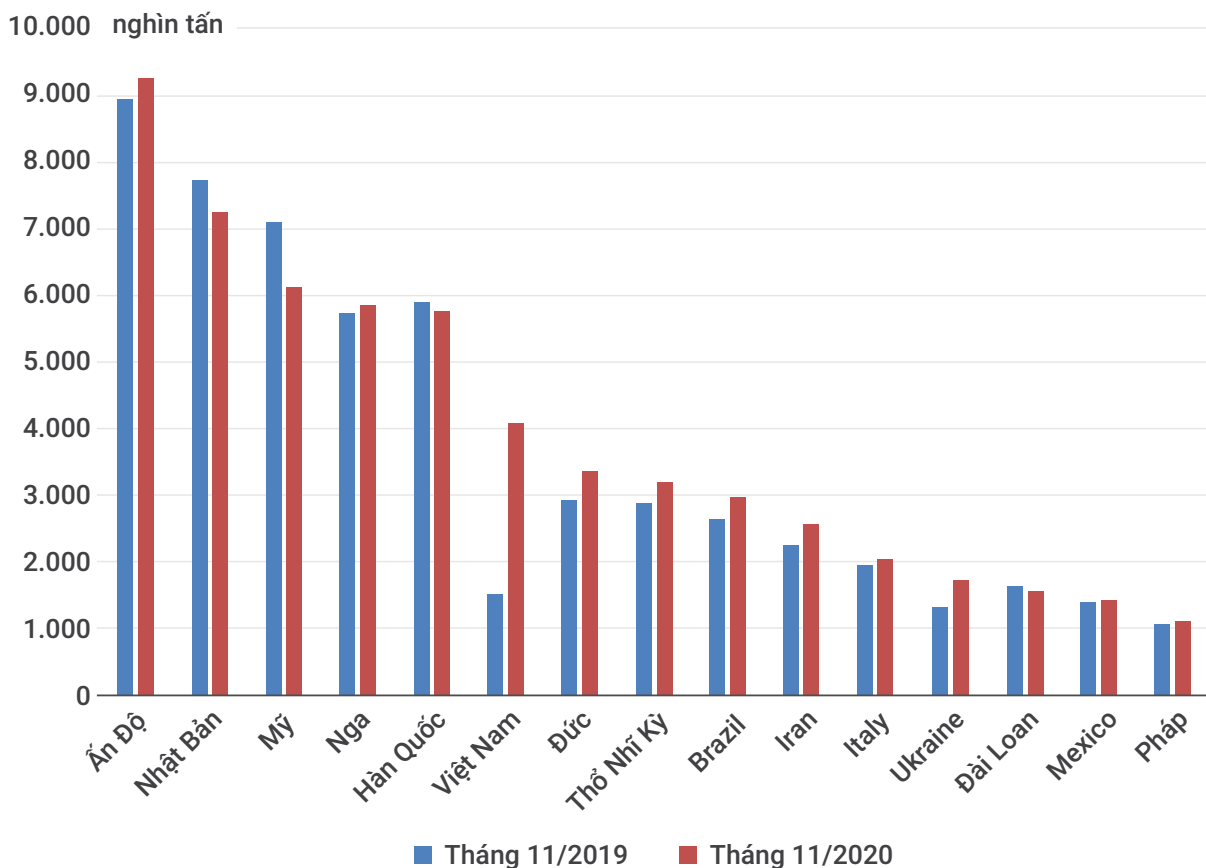
Biểu đồ 1: Sản lượng thép thô thế giới (Nguồn: World Steel)

Tại châu Âu, Đức sản xuất 3,4 triệu tấn thép thô vào tháng 11/2020, tăng 14,8%; Italy sản xuất 2 triệu tấn, tăng 3,2%; Pháp sản xuất 1,1 triệu thép thô, tăng 3,7%; Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất 3,2 triệu tấn, tăng 11,6%.

Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) có sản lượng ước tính là 8,2 triệu tấn, tăng 7%; Ukraine sản xuất 1,7 triệu tấn, tăng 30,8%.

Mỹ sản xuất được 6,1 triệu tấn thép thô trong tháng 11 năm 2020, giảm 13,7% so với tháng 11 năm 2019.

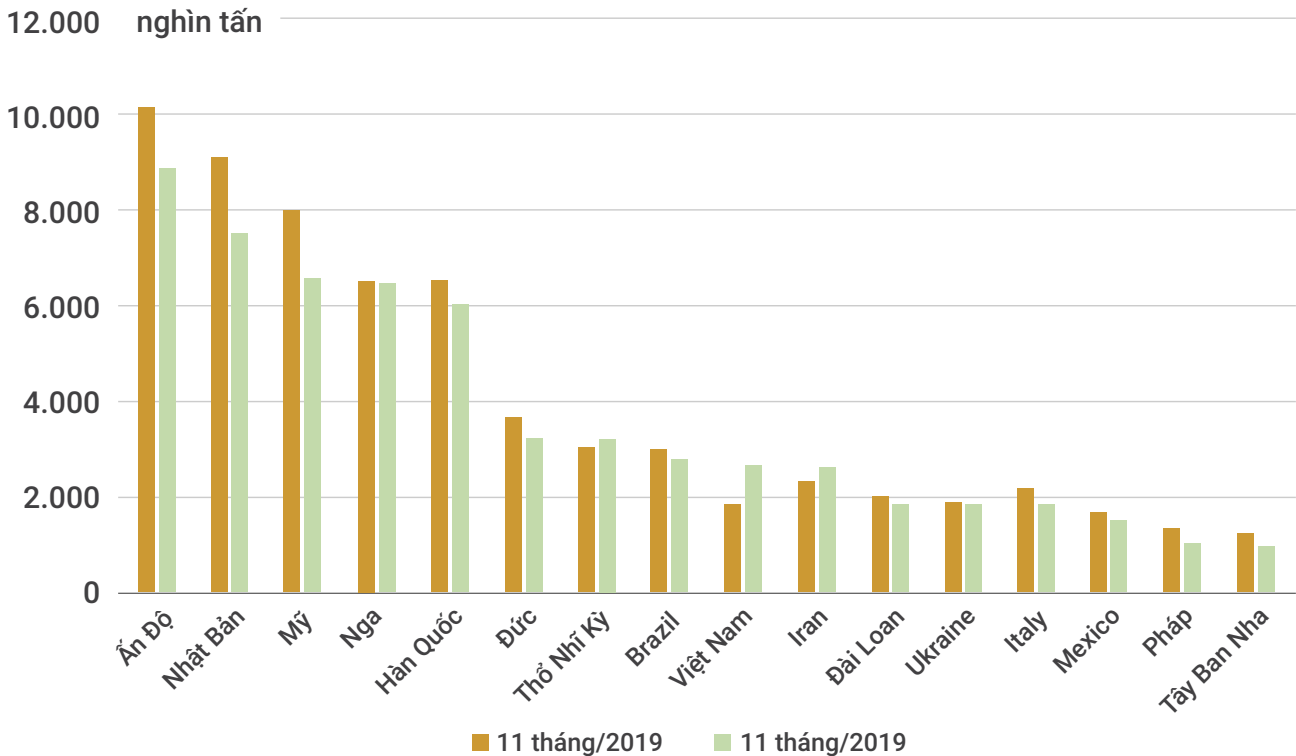
Đáng chú ý, theo số liệu của World Steel, Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tháng 11 với gần 4,1 triệu tấn, tăng tới 167% so với cùng kỳ năm trước.



Biểu đồ 2: Sản lượng thép thô các nước trên thế giới có sản lượng từ 1 triệu tấn trở lên, trừ Trung Quốc (Nguồn: World Steel)

Mặc dù có phục hồi trong các tháng cuối năm nhưng tổng sản lượng thép thô thế giới trong 11 tháng đầu năm vẫn giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước đạt 1.672,5 triệu tấn.

Trong 17 nước có sản lượng thép 11 tháng trên 10 triệu tấn, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam và Iran là số ít những nước có sản lượng tiếp tục tăng trưởng.



Biểu đồ 3: Sản lượng thép thô 10 tháng đầu năm các khu vực sản xuất lớn trên thế giới, ngoại trừ Trung Quốc. (Nguồn: World Steel)

2. Diễn biến xuất nhập khẩu

Tình hình xuất khẩu

Ấn Độ: Sau khi chạm mức 2,56 triệu tấn trong tháng 6/2020, xuất khẩu thép Ấn Độ đã giảm dần xuống 2,49 triệu tấn trong tháng 7; 1,8 triệu tấn trong tháng 8; 1,58 triệu tấn trong tháng 9 và 1,02 triệu tấn vào tháng 10

Xuất khẩu trong tháng 10/2020 giảm 35% so với tháng trước. Phôi thép, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cả tháng 9 và tháng 10, lần lượt là 0,79 triệu tấn và 0,49 triệu tấn, giảm khoảng 38% so với tháng trước.

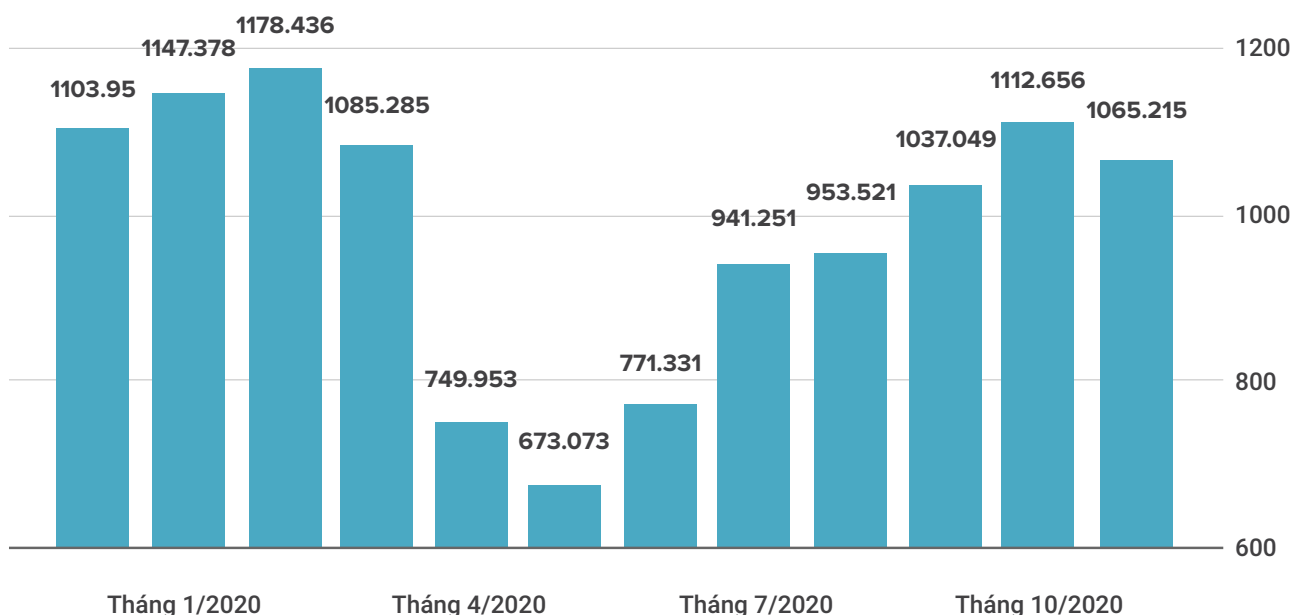
Sản phẩm thép dài, luôn chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ khối lượng hàng xuất khẩu, giảm 36% so với tháng trước.

Trong tháng 11, các thương nhân không thấy bất kỳ đơn đặt hàng mới nào lớn hoặc đáng kể. Tuy nhiên, các lô nhỏ vẫn tiếp tục diễn ra, đặc biệt là từ các nhà máy lớn sang các nước láng giềng hoặc Đông Nam Á.



Mỹ: Theo số liệu từ Trading Economics, giá trị xuất khẩu sắt thép và các sản phẩm sắt thép của Mỹ trong tháng 11 đạt 1.065 triệu USD, giảm nhẹ so với tháng trước.

Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của sắt thép Mỹ là Canada, EU, Mexico, Trung Quốc.



Biểu đồ 4: Giá trị xuất khẩu sắt thép hàng tháng của Mỹ. (Đvt: triệu USD)
(Nguồn: tradingeconomics.com)

Theo Bộ Thương mại Mỹ (USDOC), Mỹ đã xuất khẩu 21.900 tấn thép cây trong tháng 10/2020, tăng 6,5% so với tháng trước và cũng tăng 43,6% so với cùng tháng một năm trước. Trong đó, xuất khẩu sang Canada chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 17.900 tấn, tăng 8,56%

so với tháng trước và tăng 74,6% so với cùng kỳ năm trước. Cộng hòa Dominica đứng thứ hai với 3.300 tấn, và xuất khẩu sang các thị trường khác ít hơn 1.000 tấn.

Mỹ cũng đã xuất khẩu 91.000 tấn thép dẹt cán nóng trong tháng 10/2020,

tăng 49% so với tháng trước và cũng tăng 99,8% so với cùng tháng năm trước. Trong đó, xuất khẩu sang Mexico chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 75.300 tấn, tăng 86,7% so với tháng trước và tăng 123,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Các thị trường tiêu thụ khác gồm Canada (12.200 tấn), Ecuador (1.600 tấn) và các nước khác dưới 1.000 tấn.



Brazil: Theo số liệu thống kê từ Bộ Phát triển, Công nghiệp và Ngoại thương

Brazil (MDIC), xuất khẩu quặng sắt của nước này đạt 29,20 triệu tấn trong tháng 11/2020, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 6,4% so với 31,20 triệu tấn trong tháng 10. Trong 11 tháng năm 2020, các thị trường tiêu thụ chính quặng sắt Brazil là Trung Quốc chiếm 72% thị trường; Malaysia đứng thứ hai và Nhật Bản đứng thứ ba với thị phần lần lượt là 6,3% và 3,4%.



Nhật Bản: Theo số liệu từ Liên đoàn Sắt thép Nhật Bản (JISF), xuất khẩu thép

của Nhật Bản đạt gần 2,44 triệu tấn trong tháng 11/2020, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm ngoái, tổng giá trị kim ngạch đạt 2.129 triệu USD. Xuất khẩu thép giảm so với cùng kỳ năm trước trong 7 tháng liên tiếp.

Trong đó, lượng xuất khẩu thép cuộn cán nóng đạt khoảng 751.000 tấn, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm ngoái; thép tấm đạt 196.000 tấn, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm trước; tôn mạ đạt 162.000 tấn, giảm 13,4% so với cùng kỳ; thép cuộn cán nguội đạt 155.000 tấn, giảm 6,6% so với cùng kỳ.

Xuất khẩu các loại sắt thép thông thường (chủ yếu là thép bán thành phẩm, băng cuộn cán nóng, cuộn cán nguội, thép tấm, thép mạ kẽm,...) đạt gần 1,564 triệu tấn, giảm 7,3% so với tháng trước và giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc, Hàn Quốc và Thái Lan là ba thị trường xuất khẩu thép lớn nhất của Nhật Bản với lượng sắt thép xuất khẩu sang lần lượt là 422.586 tấn, 337.584 tấn và 392.525 tấn. Trong đó, lượng xuất khẩu sang Trung Quốc và Hàn Quốc giảm lần lượt 6% và 15,6% trong khi xuất khẩu sang Thái Lan không đổi so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 10 tháng đầu năm, nước này đã xuất khẩu 29,58 triệu tấn sắt thép, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm trước.



Đài Loan: Theo thống kê của cơ quan Hải quan Đài Loan, xuất khẩu thép cuộn

trong tháng 11/2020 đạt 19.200 tấn,

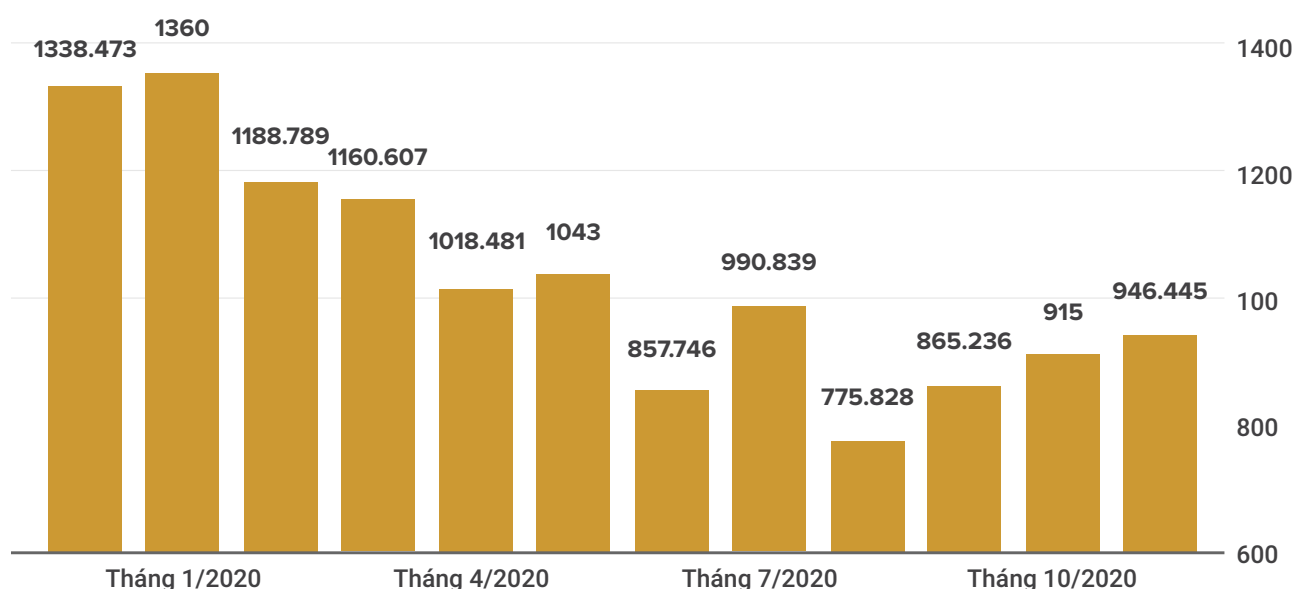
tăng 31% so với tháng trước và tổng trị giá đạt 11,5 triệu TWD. Trong đó, các thị trường tiêu thụ chính là Kenya (5.400 tấn), Trung Quốc (3.700 tấn) và Thái Lan (3.400 tấn).

Tình hình nhập khẩu



Mỹ: Giá trị nhập khẩu sắt thép tháng 11 của Mỹ tiếp

tục tăng nhẹ từ 915 triệu USD, lên 946,4 triệu USD. Luỹ kế 11 tháng đầu năm, tổng giá trị xuất khẩu đạt 12,46 tỷ USD các khu vực xuất khẩu nhiều sắt thép sang Mỹ nhất là Trung Quốc, EU, Mexico, Canada.



Biểu đồ 5: Giá trị nhập khẩu sắt thép Mỹ hàng tháng. (Đvt: triệu USD)
(Nguồn: tradingeconomics.com)

Mỹ nhập khẩu 109.300 tấn thép cuộn cán nóng (HRC) trong tháng 11/2020, giảm 6,4% so với tháng liền trước và giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhập khẩu từ Canada chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 56.400 tấn, giảm 13,4% so với tháng liền trước và giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2019. Nhập khẩu từ các nước khác bao gồm Hàn Quốc (38.000 tấn), Hà Lan (10.400

tấn) và Đức (1.400 tấn).



Nhật Bản: Trong tháng 10, nước này đã nhập khẩu 540.997 tấn sắt thép, giảm 13,4% so với tháng trước và giảm gần 27% so với cùng kỳ năm trước, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 545,7 triệu USD.

Lượng nhập khẩu các sản phẩm sắt thép thông thường đạt 326.664 tấn, giảm 14,3% so với tháng trước và giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng nhập khẩu các loại sản phẩm đặc biệt lại tăng 33,9% so với tháng trước nhưng chỉ bằng gần 70% của cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 11 tháng đầu năm, khối lượng sắt thép nhập khẩu đạt gần 6,33 triệu tấn, giảm 21 % so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc vẫn là nước xuất khẩu nhiều sắt thép nhất sang Nhật Bản với 345.279 tấn trong tháng 10. Ngoài ra còn các nước khác như Trung Quốc, Đài Loan nhưng với sản lượng thấp hơn rất nhiều khoảng 73.000 – 92.000 tấn.



Đài Loan: Theo số liệu thống kê từ cơ quan Hải quan Đài Loan, Đài Loan đã nhập khẩu 224.200 tấn phế liệu sắt trong tháng 11/2020, giảm 10,8% so với tháng trước và cũng giảm gần 30% so với cùng tháng một năm trước. Trong 11 tháng năm nay, nhập khẩu phế liệu của Đài Loan lên gần 3,4 triệu tấn, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 11/2020, Đài Loan nhập khẩu 194.000 tấn phế liệu, giảm

15,18% so với tháng trước. Trong đó, nhập khẩu từ Mỹ gần 90.000 tấn, giảm 3,18% so với tháng trước; tiếp theo là Nhật Bản 42.000 tấn, giảm 15,88% so với tháng trước. Trong 11 tháng năm nay, nhập khẩu phế liệu của Đài Loan đạt 3,12 triệu tấn, tăng 13,24% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng lượng quặng sắt nhập khẩu trong tháng 11 là 1,8 triệu tấn, giảm 5% so với tháng liền trước và tổng trị giá đạt 6 tỷ TWD. Trong đó, các nước cung cấp chính là Australia và Brazil, với lần lượt 1,47 triệu tấn và 260.000 tấn. Ngoài ra, tổng lượng quặng sắt nhập khẩu trong 11 tháng năm 2020 của Đài Loan là 20 triệu tấn, giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái.



Hàn Quốc: Nhập khẩu phế liệu của Hàn Quốc đạt 280.000 tấn trong tháng 11/2020, giảm 20% so với tháng liền trước do nguồn cung thắt chặt và chào hàng nhập khẩu tăng. Tuy nhiên, nhập khẩu phế liệu từ Mỹ tăng 24% so với tháng trước do người mua Hàn Quốc đã chọn mua phế liệu số lượng lớn từ Mỹ do giá cao ở Nhật Bản. Phế liệu của Nhật Bản vẫn là nguồn cung cấp chính cho Hàn Quốc, với tổng khối lượng 200.000 tấn, giảm 26% so với tháng trước.

3. Diễn biến giá

GIÁ THÉP TOÀN CẦU ĐÃ KẾT THÚC MỘT NĂM BẤT THƯỜNG Ở MỨC CAO VÀ PHẦN LỚN ĐÀ TĂNG CÓ KHẢ NĂNG TIẾP TỤC KÉO DÀI ĐẾN NỬA ĐẦU NĂM 2021.

Theo thông tin từ VITIC, giá thép châu Á tăng trong tháng 12/2020 nhờ nhu cầu tiêu thụ thép hồi phục mạnh tại nhiều nước trong khi nguồn cung thắt chặt ở một số khu vực.

Tại Trung Quốc, giá thép xây dựng tại Trung Quốc biến động mạnh theo chiều hướng tăng trong tháng cuối năm do nhu cầu tăng lên trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, bất động sản và ô tô trong khi các biện pháp hạn chế sản xuất để bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm ngặt hơn kể từ đầu tháng. Giá thép xây dựng tại Thượng Hải đạt mức cao nhất năm là 4.546 NDT/tấn trong ngày 22/12/2020, tăng 896 NDT/tấn so với 1 tháng trước đó.

Tại Nhật Bản, giá phế liệu tăng cao do nhu cầu tăng cao. Tokyo Steel, nhà sản xuất thép lò điện hồ quang hàng đầu của Nhật Bản, đã quyết định tăng giá thu mua phế liệu thêm 2.000 JPY/tấn kể từ ngày 22/12 đối với 5 nhà máy bao gồm: Tahara, Okayama, Kyushu, Utsunomiya và Takamatsu. Giá phế liệu H2 là 42.000 JPY/tấn tại nhà máy Tahara. Giá của nhà máy Okayama

tăng lên 41.500 JPY/tấn, và các nhà máy Kyushu, Utsunomiya và Takamatsu là 39.000 JPY/tấn. Tokyo Steel Manufacturing Co Ltd, nhà sản xuất thép lò điện hồ quang hàng đầu của Nhật Bản cũng đã tăng giá tất cả các sản phẩm thép thêm 3,3% trong tháng này và dự kiến sẽ tăng thêm 11-16% trong tháng đầu năm mới.

Tại Hàn Quốc, nhu cầu tiêu thụ thép hồi phục tại các ngành tiêu thụ chính đã hỗ trợ giá thép tăng lên. Theo Hiệp hội Sắt thép Hàn Quốc (KOSIA), nhu cầu thép của quốc gia này ước tính sẽ xuống mức thấp nhất trong 11 năm vào năm 2020 do ảnh hưởng của đợt bùng phát COVID-19. Cụ thể, nhu cầu thép trong nước có khả năng đạt mức 48 triệu tấn trong năm nay, giảm khoảng 8% so với 53,2 triệu tấn một năm trước đó do sản xuất, xây dựng và các ngành công nghiệp chủ chốt khác bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

Tại Ấn Độ, nhu cầu tiêu thụ tăng đã đẩy giá các sản phẩm thép nước này tăng cao. Ngành công nghiệp ô tô, xây dựng, cơ sở hạ tầng, năng lượng gió và đóng tàu đều hồi phục mạnh.

Tại Đài Loan, nhu cầu tiêu thụ thép tăng cùng với giá nguyên liệu cao đã khiến các nhà máy nước này tiếp tục tăng giá bán thép. Feng Hsin Steel Co., Ltd., một trong những nhà máy sản

xuất lò điện lớn ở Đài Loan, đã thông báo tăng giá thu mua phế liệu thêm 600 TWD/tấn lên 9.300 TWD/tấn, và giá thép cây cũng tăng 700 TWD/tấn lên 17.400 TWD/tấn.

Theo Goldman Sachs: “Thị trường thép của Mỹ và EU vẫn cực kỳ thắt chặt do thiếu nguồn cung trầm trọng và thiếu hụt nhập khẩu vào thị trường nội địa. Trong khi đó, nhu cầu tăng nhanh chóng, đặc biệt là từ lĩnh vực ô tô, đã dẫn đến giá HRC tăng mạnh”.

Theo Fastmarkets, giá thép cây tại Mỹ tăng lên mức cao mới 32 tháng sau khi các nhà máy thép tăng giá lần hai, giá nguyên liệu đầu vào tăng và nguồn cung thiếu hụt.

Giá thép thanh vằn, Fob của Mỹ tăng 6 USD đạt 35,50 USD/cwt (710 USD/tấn ngắn). Giá thép cây nhập khẩu vào Mỹ tuần cuối tháng là 650 USD/tấn, tăng gần 9% so với 1 tuần trước đó.

Giá thép cuộn cán nóng tiếp tục tăng trong bối cảnh lượng hàng tồn kho cạn kiệt, chi phí nguyên liệu đầu vào tăng bên cạnh nhu cầu mạnh mẽ từ ngành ô tô và xây dựng.

Giá thép cây dùng trong ngành xây dựng tại Châu Âu trong tháng 12/2020 tiếp tục tăng cao tại Bắc Âu và Nam Âu do giá phế liệu tăng và nhu cầu tiêu thụ mạnh, nguồn cung vẫn khan.

Theo Fastmarkets, giá thép cây, giao tại Nam Âu đạt 575 - 595 EUR (702 - 726 USD)/tấn, tăng 145 - 155 EUR/tấn so với tháng liền trước.

Giá thép cây, giao tại Bắc Âu đạt 560 - 570 EUR (680-693 USD)/tấn, mức cao nhất kể từ tháng 8/2018, tăng 100 - 130 EUR/tấn so với tháng liền trước. Giá phế liệu của Đức đã tăng 45 - 65 EUR/tấn trong tháng 12 trong bối cảnh nguồn phế liệu khan hiếm và xu hướng tăng của thị trường toàn cầu.

Giá quặng sắt tăng gấp hơn hai lần trong năm

Giá quặng sắt đã tăng gấp hơn hai lần trong năm nay, trở thành mặt hàng có mức tăng mạnh nhất trên toàn cầu năm thứ hai liên tiếp trong bối cảnh nhu cầu mua nhìn chung rất mạnh trên toàn cầu, nhất là ở Trung Quốc và lo ngại về việc Trung Quốc ngưng nhập khẩu quặng sắt từ Australia (Trung Quốc nhập khẩu 72% quặng sắt), cộng thêm việc thúc đẩy đầu tư công của Trung Quốc, đã khiến giá nguyên liệu như quặng sắt tăng kỷ lục.

Phiên 21/12, quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng gần 10% lên 1.144,5 CNY (174,76 USD)/tấn, trước đó có thời điểm đạt tới 1.147 CNY/tấn, là kỷ lục chưa từng có trong lịch sử do triển vọng nhu cầu sẽ còn tăng nữa trong

năm 2021 và gia tăng mối lo ngại nguồn cung bị gián đoạn vì COVID-19 chủng mới. Trên sàn Singapore, quặng sắt cũng tăng 8,7% lên 176,2 USD/tấn.

Theo công ty khai thác quặng sắt Fortescue Metals Group (FMG) của Australia, Trung Quốc vẫn có nhu cầu lớn về quặng sắt. Tháng 10/2020, tổng giá trị xuất khẩu quặng sắt của Australia là 10,9 tỷ AUD, trong khi hơn 80% được xuất khẩu sang Trung Quốc. Tuy nhiên, vào tháng 10, Trung Quốc bắt đầu đưa ra lệnh cấm nhập khẩu than luyện cốc từ Australia. Do đó, các thương nhân hiện bắt đầu lo lắng rằng Trung Quốc cũng có thể đưa ra các biện pháp hạn chế nhập khẩu quặng sắt từ Australia do mâu thuẫn giữa hai nước.

Triển vọng giá quặng sắt trong năm 2021 nhìn chung vẫn ở mức cao, bởi Trung Quốc nhà sản xuất thép hàng đầu phục hồi kinh tế và nguồn cung hạn hẹp tại Brazil.

Giá phế liệu tại Trung Quốc cao nhất 7 năm

Nhu cầu nguyên liệu thép của Trung Quốc tăng nhanh đã đẩy giá thép phế liệu thế giới tăng mạnh trong thời gian qua. Trong vòng hơn 9 tháng qua, giá thép phế đã tăng gần gấp đôi. Xu hướng giá thép phế liệu của Trung

Quốc song song với đà tăng giá phế liệu toàn cầu.

Theo đó, giá phế liệu HMS 80:20 tại Thổ Nhĩ Kỳ đầu tháng 12 đã tăng lên 370 USD/tấn, chỉ 10 ngày sau đó lên 405 USD/tấn, từ mức chỉ khoảng 210 USD/tấn hồi cuối tháng 3, theo số liệu của Mysteel Global.

Giá thép phế của Nhật Bản cũng tăng mạnh. Các nhà máy thép Nhật Bản đã nâng giá thu mua phế liệu thép 7 lần chỉ trong 17 ngày qua do nguồn cung trong nước eo hẹp. Nhà máy thép Tahara đã tăng giá thu mua thêm 1.000 JPY (9,69 USD)/tấn lên 41.500 – 42.500 JPY/tấn, còn nhà máy Okayama tăng 1.500 JPY lên 40.500 JPY/tấn trong tuần tới 18/12.

Tương tự, các nhà máy thép Kyushu và Utsunomiya cũng nâng giá thu mua phế liệu thêm 1.500 JPY/tấn lên 38.000 JPY/tấn, còn nhà máy Takamatsu nâng thêm 2.000 JPY lên 37.500 JPY/tấn.

Các nhà máy thép Hàn Quốc cho biết đang mua phế liệu Shindachi với giá 47.000 JPY/tấn (cfr) và phế liệu HS ở mức giá 46.000 JPY/tấn.

Chỉ số giá thép phế liệu của Mysteel đã tăng lên mức cao nhất kể từ

1/4/2013 sau 7 tuần tăng liên tiếp giữa bối cảnh nhu cầu mạnh từ các nhà sản xuất thép Trung Quốc và giá thép thành phẩm cũng như các nguyên liệu chính trong sản xuất thép đều tăng.

4. Dự báo

Theo dự báo của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), nhu cầu thép toàn cầu sẽ tăng lên 1.795,1 triệu tấn vào năm 2021, tăng 4,1% so với năm 2020.

Ngành thép toàn cầu được dự báo sẽ phục hồi trong năm 2021 cùng với một loạt chính sách kích cầu hạ tầng. Về nhu cầu, khi nền kinh tế toàn cầu phục hồi sau dịch viêm đường hô hấp cấp

COVID-19, nhu cầu tiêu thụ thép thế giới dự kiến sẽ tăng lên 1,83 tỷ tấn vào năm 2021, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Triển vọng toàn cầu đối với ngành thép đang được cải thiện khi sự phục hồi ở các thị trường cuối cùng quan trọng, chẳng hạn như ô tô, sản xuất, xây dựng và cơ sở hạ tầng, và một số hợp nhất ở các thị trường thép chính làm tăng tỷ suất sử dụng công suất và hỗ trợ vào năm 2021, Fitch Ratings cho biết.

Theo Hiệp hội Sắt thép Trung Quốc (CISA), sản lượng thép thô hàng năm của quốc gia này sẽ vượt qua 1 tỷ tấn vào năm 2020, tăng 3% đến 5%/ năm.



Phần 2

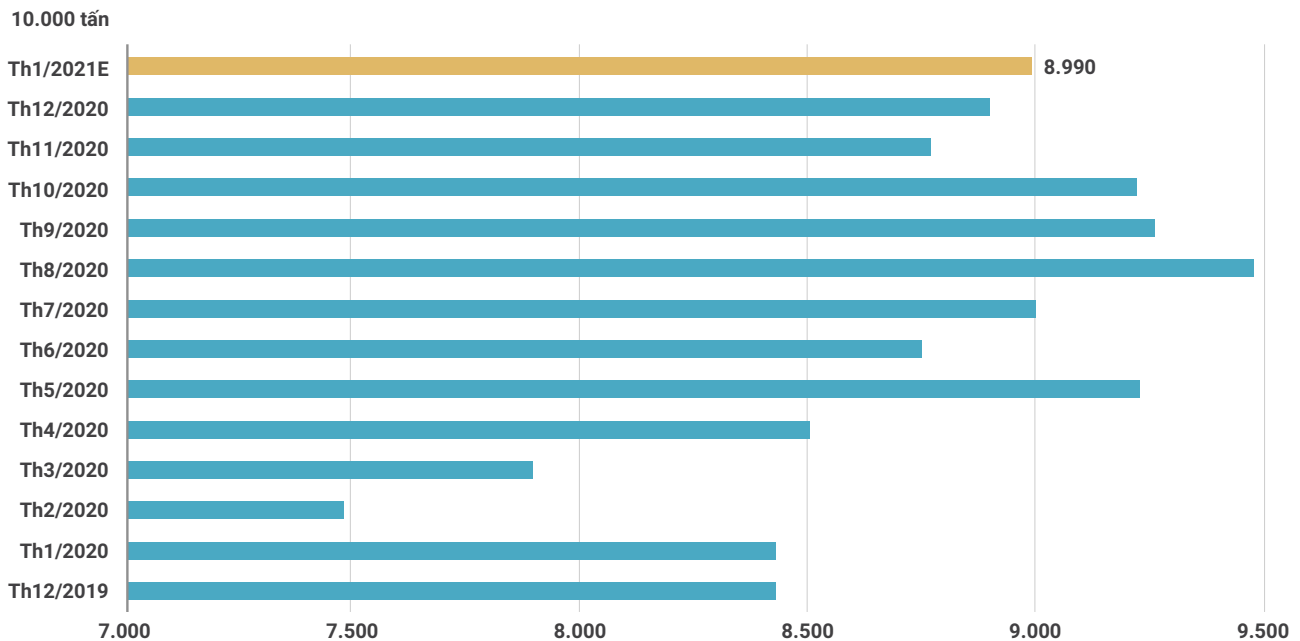
THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC



1. Tình hình sản xuất

Năm 2020, đại dịch COVID-19 khiến thế giới khủng hoảng nghiêm trọng, làm gián đoạn các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như vận tải ở các quốc gia. Tuy nhiên, kể từ thời điểm bước ra khỏi tâm chấn của dịch bệnh hồi tháng 3, Trung Quốc đã hồi phục mạnh mẽ. Thậm chí, sản xuất thép của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vẫn tăng 5,2% so với năm 2019, đạt 1,049 tỷ tấn.

Trong tháng 12, nhu cầu thép của Trung Quốc rất mạnh. Nhu cầu từ lĩnh vực sản xuất và xây dựng không ngừng tăng lên. Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, chỉ số PMI tháng 12 là 51,9 điểm, giữ trên 50 điểm trong 10 tháng liên tiếp. Cụ thể, chỉ số đơn đặt hàng mới là 51,3 điểm, phản ánh hoạt động ngoại thương liên tục tăng mạnh. Ngoài ra, chỉ số hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng là 60,7 điểm.



Biểu đồ 6: Sản lượng thép Trung Quốc năm 2020 và dự báo tháng 1/2021
(Nguồn: SteelHome/Worldsteel)

Theo khảo sát của SteelHome, giao dịch thép cây, thép tấm vừa và thép cuộn cán nóng hàng ngày được phân phối tại các khu vực lớn tính đến ngày 31/12 là 79.400 tấn, 21.400 tấn và 21.500 tấn, tương đương 98,8%, 101,5% và 97,5% khối lượng giao dịch

trung bình hàng ngày vào năm 2019, trong khi tăng 24,4%, 15,8% và 24,1% so với giao dịch hàng ngày vào cùng kỳ năm ngoái.

Trong một diễn biến khác, căng thẳng nguồn cung than cốc sẽ tiếp tục duy trì.

Chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực để tẩy rửa các lò luyện cốc có khoang cacbon hóa nhỏ hơn 4,3m. Đến cuối tháng 12, khoảng 46,78 triệu tấn công suất than cốc đã được loại bỏ, và 20 triệu tấn khác sẽ được loại bỏ dần. Công suất mới được tăng thêm không thể bù đắp được mức cắt giảm và căng thẳng nguồn cung than cốc sẽ tồn tại trong ngắn hạn.

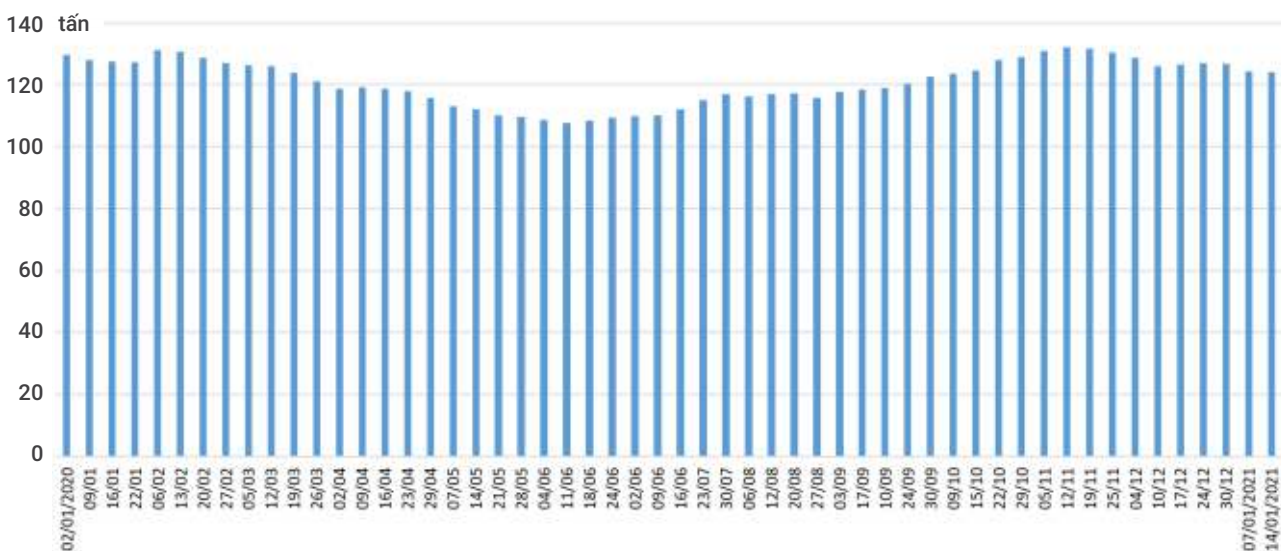
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho

Theo số liệu của SteelHome, tồn kho quặng sắt tại 5 cảng chính của Trung Quốc đạt 126,75 triệu tấn vào cuối tháng 12/2020 và có xu hướng giảm nhẹ trong đầu năm nay. Tổng lượng tồn kho của 5 sản phẩm thép trên thị trường và các nhà máy tính đến ngày 31/12 đạt tương ứng 15,09 triệu tấn, giảm 1,29 triệu tấn

hay 7,9% so với cuối tháng 11.

Tồn kho sản phẩm trên thị trường đạt 8,48 triệu tấn, tăng 0,57 triệu tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Đối với sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC), tồn kho ở hầu hết khu vực lớn đều giảm. Các nhà máy thép dự kiến sẽ tăng mạnh giá đặt hàng trong tháng 1, dẫn đến chi phí đơn hàng cũng tăng lên. Tồn kho HRC dự kiến tiếp tục giảm vào tháng 1 trong khi cho phí nguyên vật liệu ở mức cao.

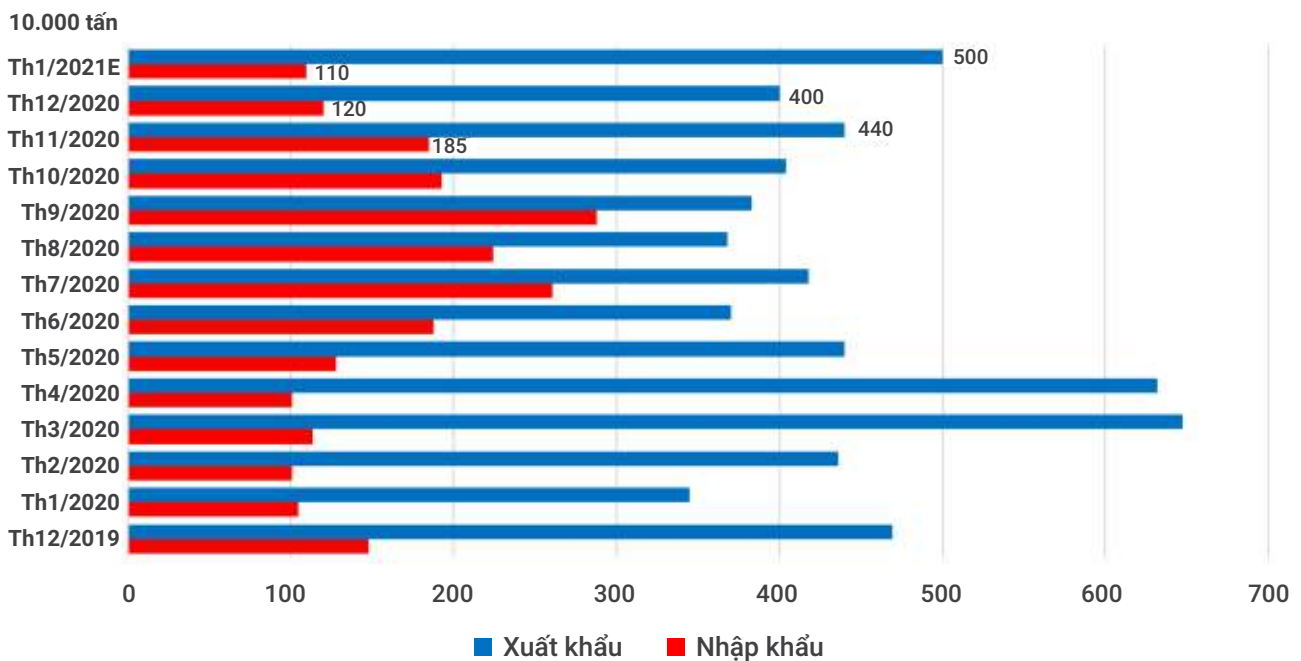
Ngoài ra, tỷ lệ hoạt động lò cao (BOF) của các nhà máy thép lớn ở Trung Quốc là 94,19% (tính theo công suất), giảm 0,43 điểm % so với cuối tháng 11. Tỷ lệ hoạt động của các nhà máy thép tư nhân (tính theo lò điện hồ quang) là 78,93%, giảm 3,23 điểm %.



Biểu đồ 7: Tồn kho quặng sắt Trung Quốc tính đến hết ngày 14/01/2021
(Nguồn: SteelHome)

Bộ Sinh thái và Môi trường cho biết, Trung Quốc sẽ cho phép nhập khẩu thép phế liệu theo tiêu chuẩn mới hoặc thép nguyên liệu tái chế từ ngày 1/1/2021. Động thái này sẽ tác động rất lớn đến bức tranh cung cầu phế liệu toàn cầu. Đối với những người bán phế liệu, tâm lý cải thiện tích cực nhờ nhu cầu tăng mạnh, nhưng người mua trong khu vực sẽ lo lắng hơn vì sự cạnh tranh của Trung Quốc có thể hỗ trợ giá thép phế liệu, vốn đã ở mức cao nhất trong nhiều năm.

Trước đó, Trung Quốc gần như tự cô lập mình khỏi thị trường thép phế liệu toàn cầu để tránh khỏi vai trò không mong muốn là “bãi rác phế liệu toàn cầu”, đưa ra các hạn chế và lệnh cấm nhập khẩu thép phế liệu sắt thép từ ngày 31/12/2018. Việc không tiếp cận được với phế liệu nhập khẩu đã khiến giá phế liệu trong nước tương đối cao đối với các nhà sản xuất thép của nước này, cho tới năm 2019, thúc đẩy những người tham gia ngành công nghiệp trong nước kiến nghị nhập khẩu thép trở lại.

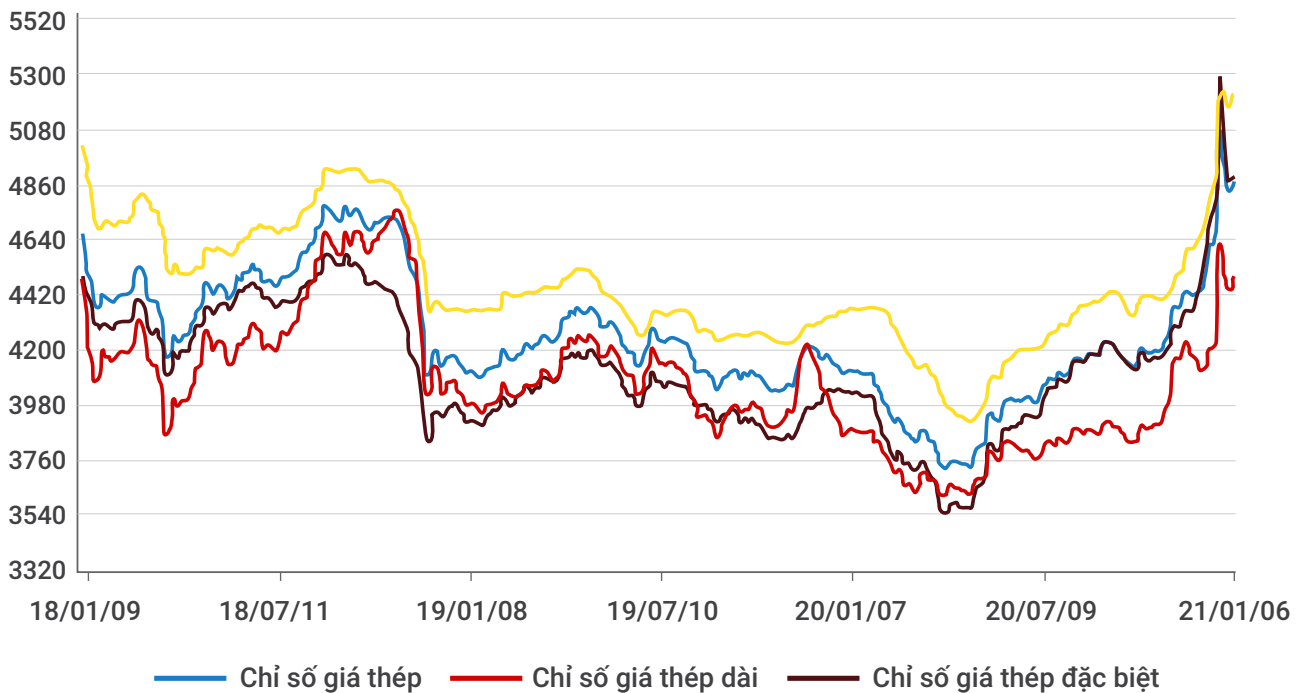


Biểu đồ 8: Thống kê xuất nhập khẩu thép Trung Quốc trong năm 2020 và dự báo tháng 1/2021. (Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc)

Với diễn biến trong giai đoạn này, người viết dự báo thị trường thép trong tháng 1 ở Trung Quốc sẽ duy trì cung -

cầu ở mức cao, đẩy mạnh xuất khẩu và chi phí cũng tăng theo.

3. Diễn biến giá



Biểu đồ 9: Diễn biến giá thép Trung Quốc (theo chỉ số của SteelHome) trong ba năm qua.
(Đơn vị: Nhân dân tệ/tấn) (Nguồn: SteelHome)

Thị trường thép Trung Quốc bắt đầu tháng 12/2020 với giá tăng đột biến, sau đó bình ổn dần. Giá hàng hóa tăng do kỳ vọng vào sự phục hồi kinh tế toàn cầu. Đến ngày 31/12, chỉ số giá thép Trung Quốc của SteelHome (SHCNSI) là 4.817 nhân dân tệ, tăng 398 nhân dân tệ so với cuối tháng 11.

Theo sản phẩm, chỉ số thép dài (SHCNSI-L) là 4.429 nhân dân tệ, tăng 265 nhân dân tệ; chỉ số thép đặc biệt (SHCNSI-S) là 5.149 nhân dân tệ, tăng 541 nhân dân tệ; chỉ số thép không gỉ (SHCNSI-SS) là 14.777 nhân dân tệ, tăng 703 nhân dân tệ. Hợp đồng tương lai thép thanh kỳ hạn tháng 5/2021 và hợp đồng tương lai cán

nóng (HR) được giao dịch trên Sàn giao dịch Thượng Hải đóng cửa ở mức 4.388 nhân dân tệ và 4.554 nhân dân tệ, tăng 624 nhân dân tệ hoặc 571 nhân dân tệ so với cuối tháng 11.

Bước sang tháng 1/2021 đối với sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC), các giao dịch trở nên sôi động hơn, một số thương nhân tích cực bán hàng để đảm bảo nguồn vốn nên giá HRC trên thị trường đã giảm xuống. Tương tự đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội (CRC), các nhà giao dịch chủ yếu chờ đợi diễn biến của thị trường.

Khi Tết Nguyên đán đang tới gần, các thương nhân sẵn sàng đẩy mạnh việc

bán ra để đảm bảo nguồn lợi nhuận. Mùa đông lạnh giá ở miền Bắc Trung Quốc đã kéo nhu cầu xuống trong khi nguồn cung các sản phẩm thép ở miền

Nam tăng lên. Dự báo, giá của HRC và CRC sẽ giảm nhẹ trước Tết Nguyên đán

5.75mm HRC	Shanghai	Hangzhou	Nanjing	Wuxi	Jinan	Hefei	Fuzhou
12/31/2020	4600	4650	4670	4680	4570	4730	4620
11/30/2020	4230	4260	4230	4240	4130	4240	4190
Thay đổi	370	390	440	440	440	490	430
HRC	Nanchang	Guangzhou	Nanning	Changsha	Wuhan	Zhengzhou	Beijing
12/31/2020	4680	4610	4700	4700	4650	4550	4450
11/30/2020	4250	4230	4300	4300	4190	4120	4080
Thay đổi	430	380	400	400	460	430	370
HRC	Tianjin	Shijiazhuang	Taiyuan	Baotou	Shenyang	Changchun	Harbin
12/31/2020	4450	4420	4430	4500	4420	4470	4520
11/30/2020	4080	4060	4060	4000	3990	4000	4070
Thay đổi	370	360	370	500	430	470	450
HRC	Chongqing	Chengdu	Kunming	Guiyang	Xian	Lanzhou	Urumqi
12/31/2020	4750	4750	4910	4870	4600	4650	4600
11/30/2020	4150	4180	4210	4190	4080	4090	4130
Thay đổi	600	570	700	680	520	560	470

Bảng 1: Thay đổi giá HRC 5,75mm của Trung Quốc trên các khu vực chính trong tháng 12/2020 (Đvt: Nhân dân tệ/tấn)

CRC	Shanghai	Hangzhou	Nanjing	Wuxi	Jinan	Hefei	Fuzhou
12/31/2020	6000	5980	5910	6100	5900	5930	5880
11/30/2020	5300	5260	5310	5350	5140	5290	5120
Thay đổi	700	720	600	750	760	640	760
CRC	Nanchang	Guangzhou	Nanning	Changsha	Wuhan	Zhengzhou	Beijing
12/31/2020	5830	5700	5850	5500	5690	5600	6050
11/30/2020	5100	5170	5210	5110	5330	5130	5030
Thay đổi	730	530	640	390	360	470	1020
CRC	Tianjin	Shijiazhuang	Taiyuan	Baotou	Shenyang	Changchun	Harbin
12/31/2020	6000	6190	6200	5620	5650	5750	5740
11/30/2020	5060	5050	5120	4870	4880	4960	4940
Thay đổi	940	1140	1080	750	770	790	800
CRC	Chongqing	Chengdu	Kunming	Guiyang	Xian	Lanzhou	Urumqi
12/31/2020	5870	5810	6000	5920	5680	5570	5400
11/30/2020	5170	5110	5190	5150	5030	4840	4800
Thay đổi	700	700	810	770	650	730	600

Bảng 2: Thay đổi giá CRC 1mm SPCC của Trung Quốc trên các khu vực chính trong tháng 12/2020 (Đvt: Nhân dân tệ/tấn)

Phần 3

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

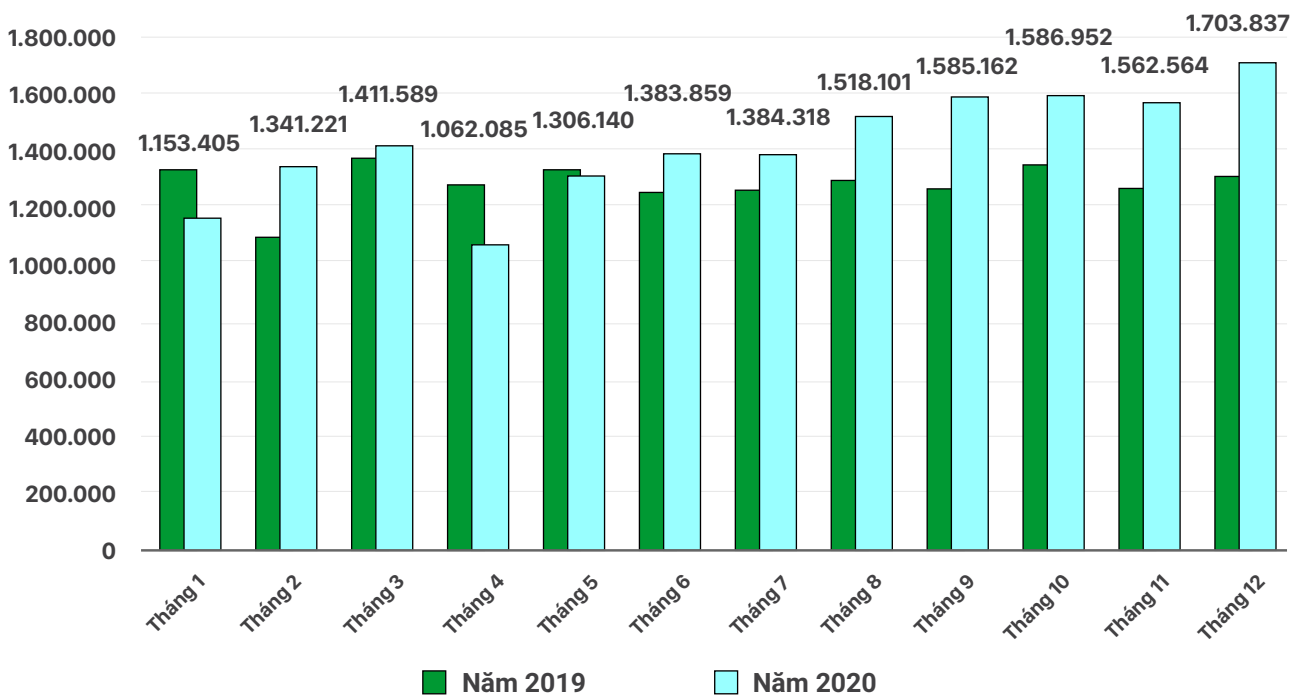


Năm 2020, ngành thép Việt Nam vẫn ghi nhận những con số khả quan trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vẫn đang ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

1. Sản lượng và tiêu thụ thép Việt Nam

Theo số liệu từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), sản xuất thép thô tháng 12 đạt 1,704 triệu tấn, tăng 9% so với tháng trước và tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu thụ thép thô đạt 1,608

triệu tấn, giảm 2,4% so với tháng trước nhưng tăng 12,7% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, xuất khẩu thép thô là 237.412 tấn.



Biểu đồ 10: Tình hình sản xuất thép thô qua các năm. (Nguồn: VSA)

Lũy kế trong cả năm 2020, Việt Nam sản xuất được 17,219 triệu tấn thép thô, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2019. Bán hàng đạt 16,984,915 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ 2019. Trong đó xuất khẩu đạt 3.236.794 tấn, tăng

gấp 3,55 lần so với cùng kỳ 2019

Sản xuất thép các loại đạt hơn 25,9 triệu tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ 2019. Bán hàng thép các loại đạt hơn 23,4 triệu tấn, tăng 1,4%; trong đó,

xuất khẩu thép các loại đạt hơn 4,5 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7%.

Riêng trong tháng 12, sản xuất thép các loại đạt 2,616 triệu tấn, tăng 6,77% so với tháng trước và tăng 15,9% so với cùng kỳ 2019.

Bán hàng thép các loại đạt 2,432 triệu tấn, giảm 1,02% so với tháng 11/2020, nhưng tăng 21,2% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt 447.747 tấn, giảm 6,45% so với

tháng trước, nhưng tăng 24,4% so với cùng kỳ tháng 12/2019.

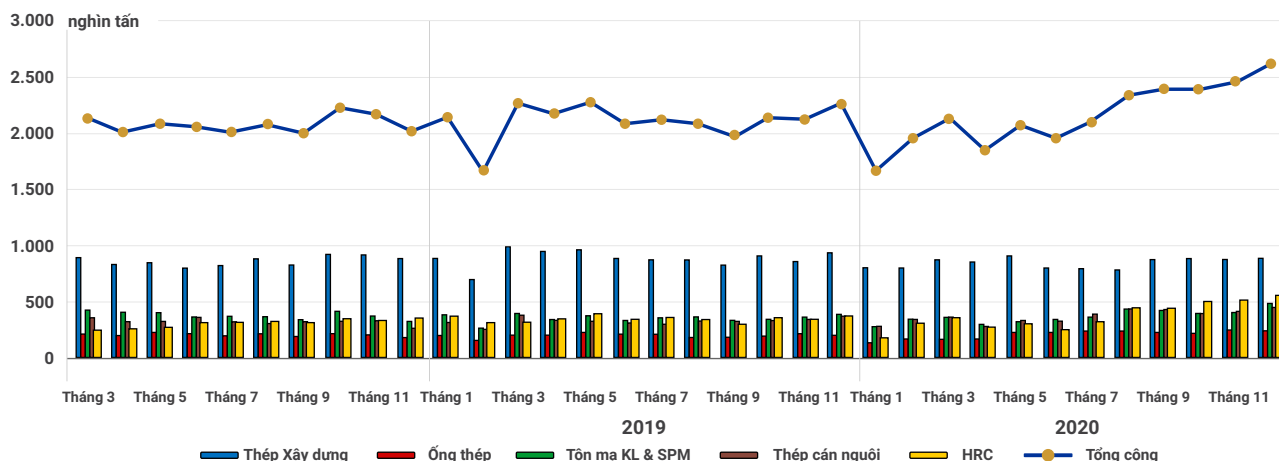
Các sản phẩm thép thành phẩm cơ bản của Việt Nam gồm: Thép xây dựng, ống thép, tôn mạ kim loại và sơn phủ màu, thép cán nguội, thép cuộn cán nóng (HRC). Trong đó, thép xây dựng là sản phẩm có lượng sản xuất và bán hàng lớn nhất, chiếm khoảng 45% tổng giá trị bán hàng trong cả năm.

STT	Ngành hàng	Năm 2020			Năm 2019			% so với cùng kỳ		
		Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Xuất khẩu (tấn)	SX	BH	XK
1	Thép Xây dựng	10,114,716	10,469,607	1,469,150	10,559,740	10,594,129	1,374,345	95.8%	98.8%	106.9%
2	HRC	4,452,283	4,287,458	737,692	4,129,870	4,095,490	718,690	107.8%	104.7%	102.6%
3	Thép cán nguội	4,438,184	2,170,718	452,503	3,946,166	2,290,350	778,928	112.5%	94.8%	58.1%
4	Tôn mạ KL & SPM	4,437,755	3,929,338	1,619,361	4,253,888	3,763,234	1,423,213	104.3%	104.4%	113.8%
5	Ống thép	2,501,109	2,591,917	281,139	2,373,449	2,383,277	295,903	105.4%	108.8%	95.0%
	Tổng cộng	25,944,047	23,449,038	4,559,845	25,263,113	23,126,480	4,591,079	102.7%	101.4%	99.3%

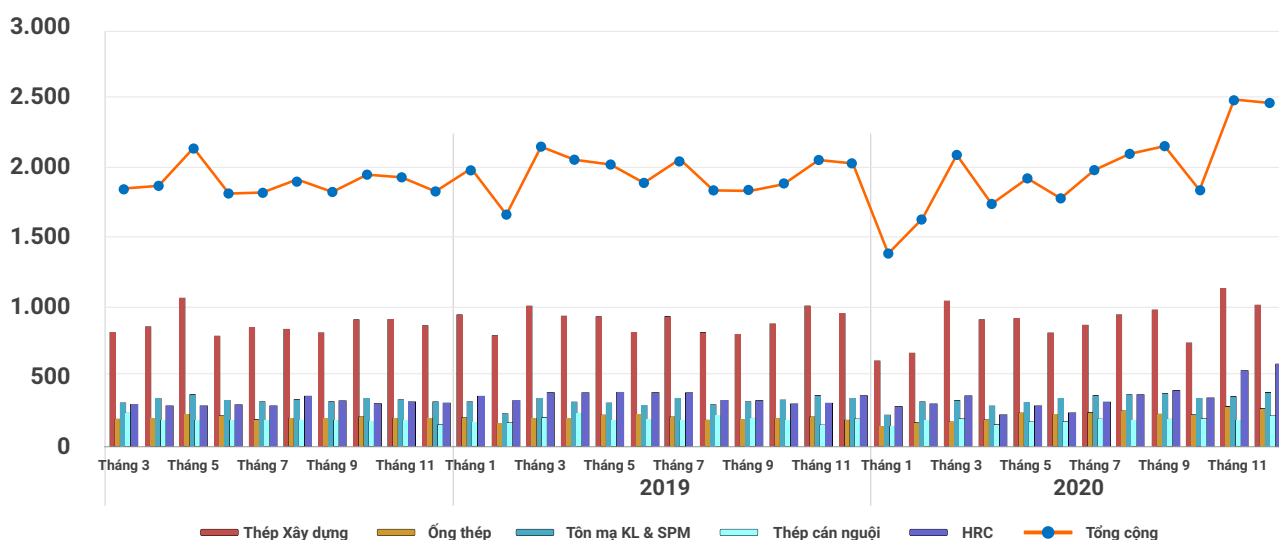
Bảng 3: Tình hình sản xuất và bán hàng các thành phẩm thép của Việt Nam năm 2020. (Nguồn: VSA).

Số liệu cho thấy lượng thép xây dựng bán ra trong năm 2020 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 ở mức 1,2% trong đó xuất khẩu tăng 6,9% và tiêu thụ nội địa giảm 2,4%.

Trong quý IV/2020, thị trường thép xây dựng nội địa có nhu cầu tiêu thụ thép nhiều hơn do nhiều công trình cần kịp tiến độ hoàn thành.



Biểu đồ 10: Tình hình sản xuất thép thành phẩm năm 2020. (Nguồn: VSA)



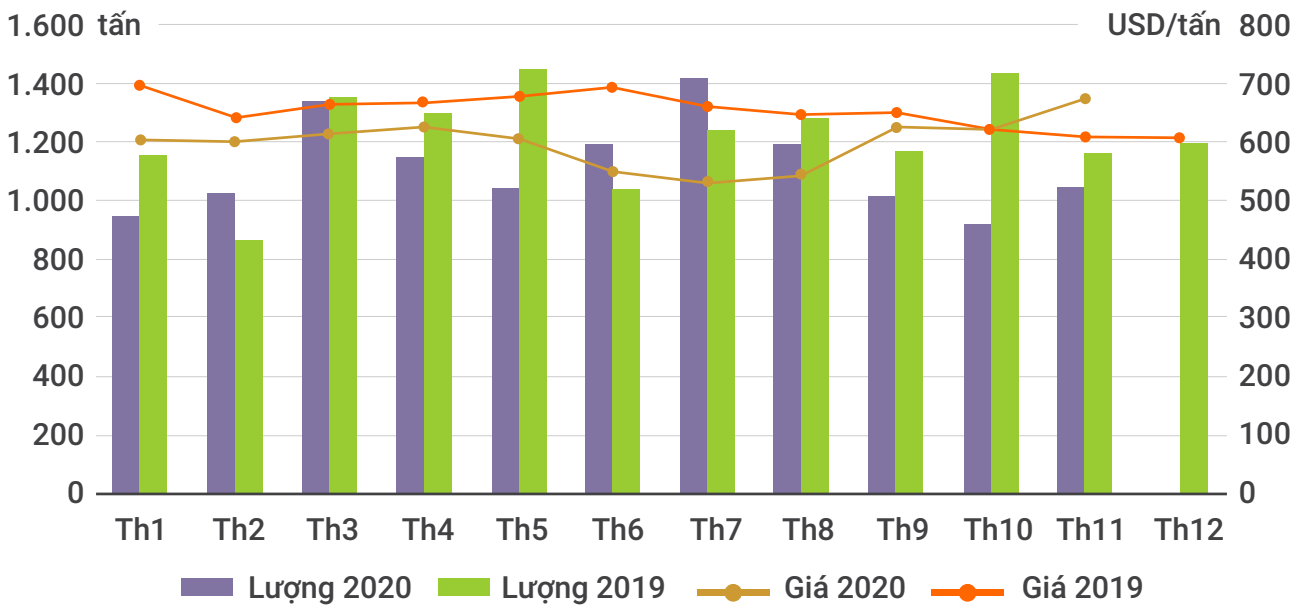
Biểu đồ 11: Tình hình bán thép thành phẩm năm 2020. (Nguồn: VSA)

2. Tình hình xuất nhập khẩu, tồn kho

Nhập khẩu

Theo số liệu của VSA, nhập khẩu thép về Việt Nam trong tháng 11/ 2020 đạt 1,043 triệu tấn với kim ngạch 702 triệu USD, tăng 13,5% về lượng và 17,2% về trị giá so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm lần lượt là 10,1% về lượng và 1,06% về giá trị.

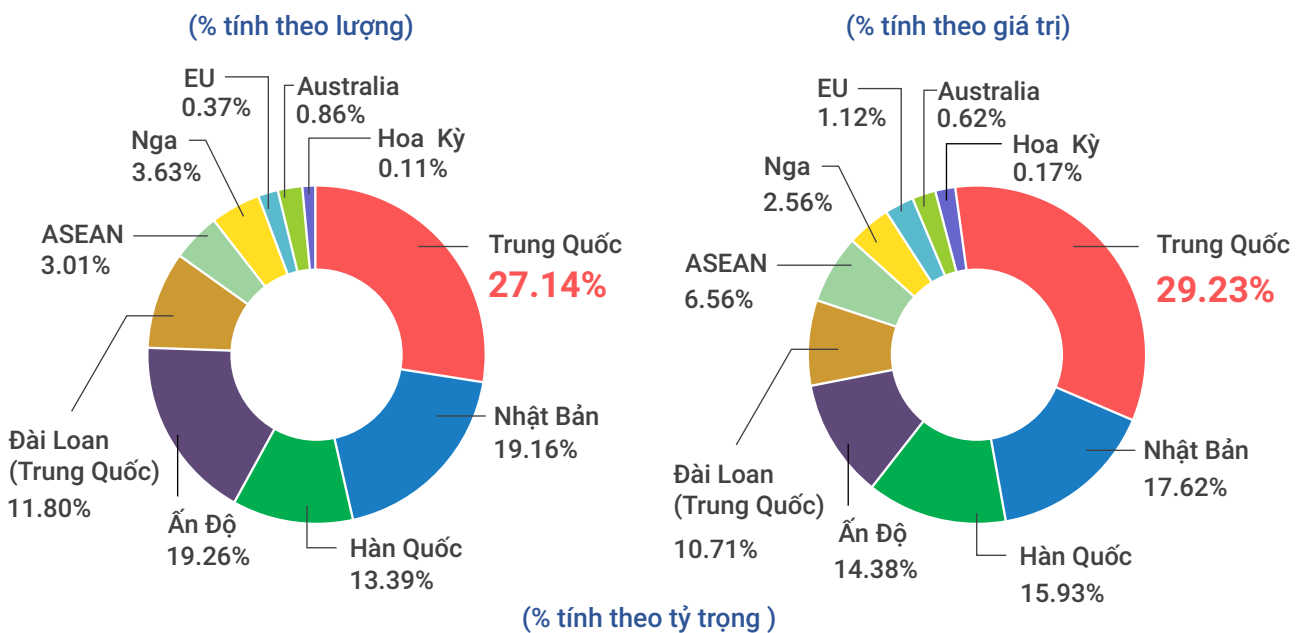
Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu thép về Việt Nam là 12,31 triệu tấn với trị giá trên 7,35 tỷ USD, giảm lần lượt 7,83% về lượng và 16,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.



Biểu đồ 12: Diễn biến lượng và giá thép nhập khẩu vào Việt Nam qua các năm. (Nguồn: VITIC, Tổng cục Hải quan)

Trong 11 tháng 2020, lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc là 3,34 triệu tấn, với trị giá nhập khẩu gần 2,15 tỷ USD, chiếm 27,14% tổng lượng thép nhập khẩu và 29,23% tổng kim ngạch nhập

khẩu cả nước. Các quốc gia tiếp theo cung cấp thép cho Việt Nam là Ấn Độ (19,26%), Nhật Bản (19,16%), Hàn Quốc (13,39%), Đài Loan (11,8%)

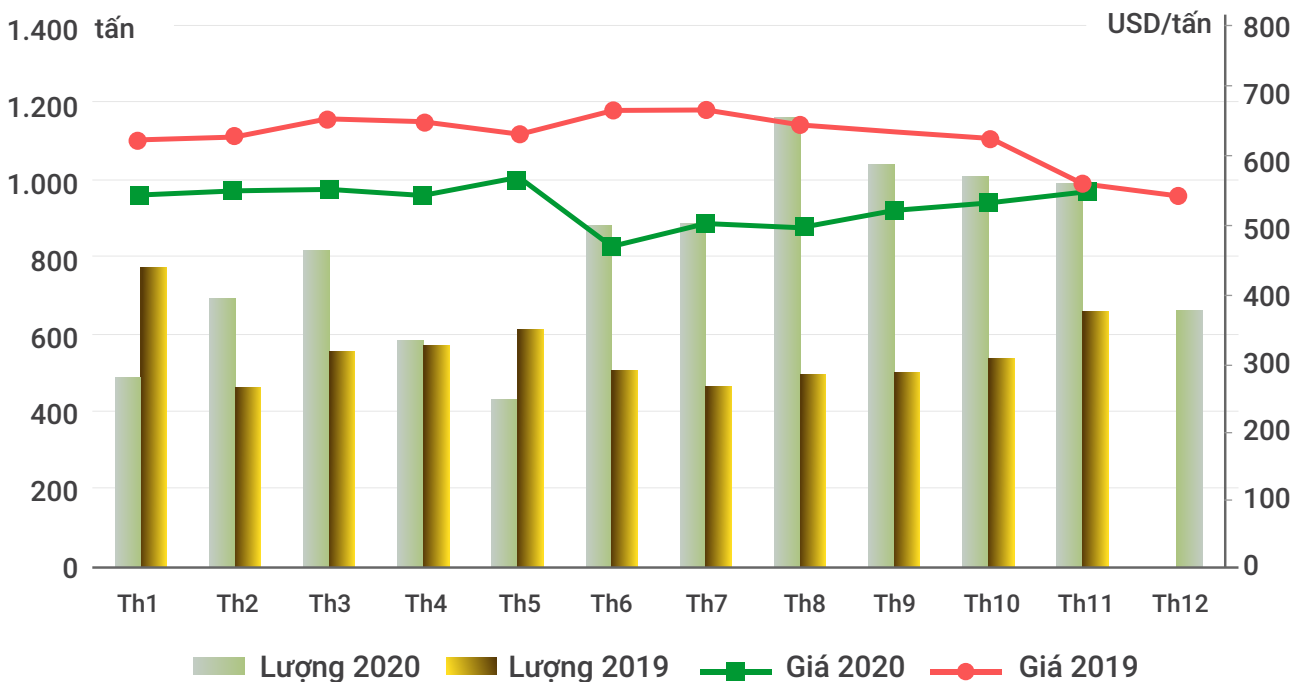


Biểu đồ 13: Tỷ trọng các quốc gia cung cấp thép cho Việt Nam 11 tháng đầu năm (Nguồn: VITIC).

Xuất khẩu

Xuất khẩu trong năm 2020 ngành thép Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn so với năm 2019 khi có thêm 5 quốc gia đang thực hiện điều tra chống bán phá giá lên sản phẩm tôn mạ và ống thép Việt Nam. Trong đó có 2 quốc gia trong khu vực thị trường chính Đông Nam Á là Malaysia và Philippines. Trong tháng 11, xuất khẩu thép của Việt Nam đạt hơn 984.000 tấn, giảm nhẹ 2,03% so với tháng

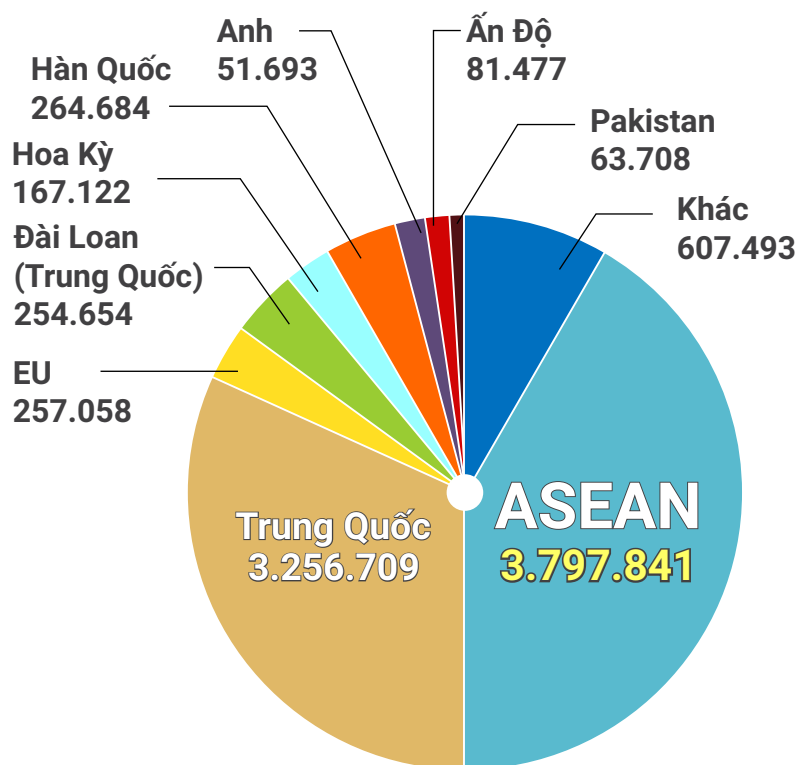
trước, nhưng tăng mạnh 53,08% so với cùng kỳ năm 2019 về sản lượng xuất khẩu. Trị giá xuất khẩu đạt 543 triệu USD tăng không đáng kể so với tháng 10/2020 nhưng tăng gần 50%. Lũy kế 11 tháng năm 2020, Việt Nam xuất khẩu thép đạt 8,91 triệu tấn, với trị giá đạt 4,7 tỷ USD đến hơn 30 quốc gia và khu vực trên thế giới, trong đó, các thị trường xuất khẩu chính là ASEAN, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ,...



Biểu đồ 14: Diễn biến lượng và giá thép xuất khẩu của Việt Nam qua các năm. (Nguồn: VITIC, Tổng cục Hải quan)

ASEAN tiếp tục là thị trường xuất khẩu thép lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 3,79 triệu tấn tương đương với trị giá 2,08 tỷ USD, tăng không đáng kể về lượng xuất khẩu nhưng giảm 9,57% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu thép sang Trung Quốc là điểm nhấn trong năm khi tăng đột biến cả về lượng và trị giá xuất khẩu. Trong 11 tháng năm 2019, lượng thép xuất khẩu sang nước này đạt 3,25 triệu tấn tương đương với trị giá 1,35 tỷ USD, chiếm 36,53% tỷ trọng xuất khẩu thép 11 tháng 2020 của Việt Nam



Biểu đồ 15: TOP 10 quốc gia xuất khẩu thép của Việt Nam 11 tháng đầu năm 2020 (Nguồn: VITIC)

Tồn kho

Theo báo cáo của Hiệp hội Thép, tồn kho thép xây dựng thời điểm ngày 31/12/2020 là 340.003 tấn. Đây là mức

tồn kho tương đối thấp so với các tháng trước, để gối đầu bán hàng các tháng sau.

3. Diễn biến giá nguyên liệu

Kể từ cuối tháng 11/2020, giá các loại nguyên liệu sản xuất thép là quặng sắt và thép phế liệu tăng cao bất thường và thiết lập mốc giá mới trong 3 năm gần đây

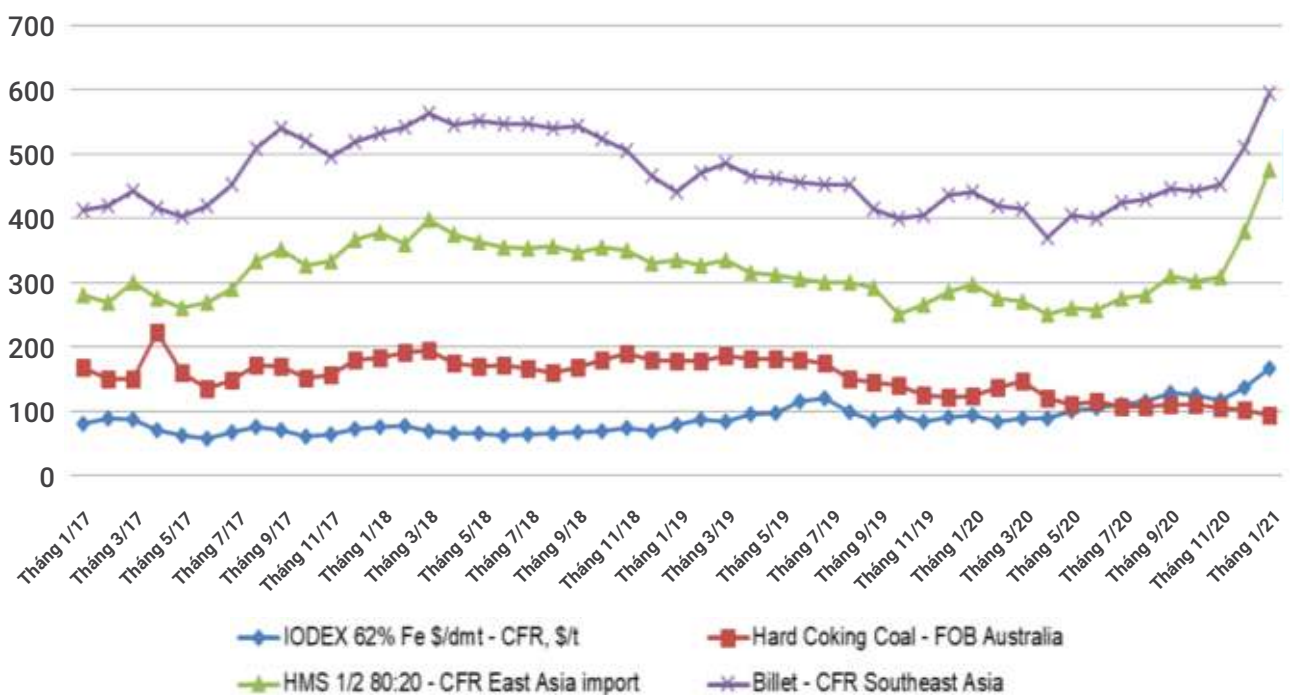
Giá quặng sắt ngày 6/1/2021 giao dịch ở mức 166,9 - 167,4 USD/tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, tăng đáng kể khoảng 30 USD/tấn tương ứng với 17-18% so với đầu tháng 12/2020.

Giá than mỡ luyện cốc xuất khẩu tại cảng Australia (giá FOB) ngày

6/1/2021 (Premium Hard coking coal) khoảng 93,5USD/tấn, giảm nhẹ so với đầu tháng trước.

Thép phế liệu: Giá thép phế HMS 1/2 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 475 USD/tấn CFR Đông Á ngày 06/01/2021. Mức giá này tăng 95 USD/tấn so với hồi đầu tháng 12/2020.

Giá thép phế chào bán tại các thị trường Đông Á có xu hướng tăng mạnh, Châu Âu và Châu Mỹ có chiều hướng đi ngang.



Biểu đồ 16: Giá nguyên liệu sản xuất thép năm 2020 (Nguồn: Platts, VSA).

Điện cực graphite ở Trung Quốc đã tăng nhẹ trong bối cảnh nhu cầu thép trong nước tăng. Giá điện cực loại 450mm HP hiện được đánh giá ở mức 15.000 - 15.500NDT/tấn (2.140 - 2.210 USD/tấn) và loại 600mm UHP ở mức 19.000 - 20.500 NDT/tấn (2.900 - 3.130USD/tấn)

4. Giá thép trong nước

Trong tháng 12/2020, giá các loại nguyên vật liệu sản xuất thép tăng cao đột biến trên thị trường toàn cầu và Việt Nam cũng bị ảnh hưởng tăng. Giá thép xây dựng tăng do giá thép phế liệu và giá phôi thép tăng mạnh.

Giá thép phế liệu nội địa tăng 600 – 700 đồng/kg lên mức 8.450 đồng/kg - 8.600 đồng/kg; giá phế nhập khẩu tăng 135 USD/tấn giữ mức 475 USD/tấn cuối tháng 12/2020.

Giá phôi nội địa tăng 1.800 - 2.000 đồng/kg giữ giá ở mức 13.400 -13.600 đồng/kg; Giá phôi nhập cũng tăng mức 89.0 USD/tấn giữ mức 586 ~ 588 USD/tấn.

Giá bán thép trong nước hiện ở mức bình quân khoảng 14.950 - 15.100 đồng/kg vào thời điểm cuối tháng

12/2020 tùy thuộc từng chủng loại sản phẩm và từng doanh nghiệp cụ thể.

Giá bán thép hiện nay được điều chỉnh tăng liên tục để bù một phần mức tăng giá của nguyên vật liệu hiện nay. Do giá thép tăng nên cũng dẫn đến hiện tượng đầu cơ của các nhà thương mại

5. Dự báo

Công ty Chứng khoán Vietcombank (VCBS) dự báo nhu cầu thép trong nước vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực từ động lực đầu tư công và sự phục hồi ngành bất động sản trong cả nước.

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ rệt trong ba quý đầu năm 2020, tổng vốn giải ngân đầu tư phát triển từ ngân sách đạt 322.000 tỷ đồng, tăng trưởng 40% so với cuối năm trước. Ghi nhận lượng giải ngân tăng mạnh đáng kể so với mức bình quân giai đoạn 2016-2019.

Trong đó, hoạt động giải ngân ghi nhận sự tăng mạnh so với cùng kỳ từ tháng 6/2020 trở đi. Điều này kỳ vọng sẽ hỗ trợ tốt cho ngành thép nội địa trong năm 2021.

Phần 4

CHÍNH SÁCH



1. Việt Nam khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại

Đến hết tháng 11, Việt Nam đã tiến hành khởi xướng điều tra 9 vụ việc phòng vệ thương mại liên quan đến các sản phẩm thép nhập khẩu vào Việt Nam.

- Thép không gỉ cán nguội (AD01)
- Tôn mạ (AD 02)
- Thép hình H (Ad03)
- Tôn mạ màu (Ad04)
- Phôi thép và Thép dài (SG 04)
- Tôn màu (SG 05) (Từ 15/6/2020: Hết hiệu lực)
- Thép cuộn và thép dây (Chống lẩn tránh biện pháp PVTM)
- Thép các-bon cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm (AD 08)
- Thép hình chữ H từ Malaysia (Ad12)

Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3390/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) chính thức đối với một số sản phẩm thép cán nguội (thép nguội) dạng cuộn hoặc tấm có xuất xứ từ Trung Quốc (Ad08).

Ngày 21/12/2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3390/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) chính thức đối với một số sản phẩm thép cán nguội (ép nguội)

dạng cuộn hoặc tấm có xuất xứ Trung Quốc (Trung Quốc).

Trên cơ sở hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp CBPG của đại diện ngành sản xuất trong nước, Bộ Công Thương đã quyết định khởi xướng điều tra vụ việc vào ngày 3/9/2019.

Kết quả điều tra, đánh giá cho thấy, trong thời kỳ điều tra, lượng nhập khẩu thép cán nguội bị điều tra lên tới 272.073 tấn, chiếm 65,5% tổng lượng nhập khẩu thép cán nguội vào Việt Nam.

Biên độ bán phá giá được xác định là từ 4,43% đến 25,22%; có hiệu lực trong vòng 05 năm kể từ ngày Quyết định 3390/QĐ-BCT có hiệu lực.

Đối với một số sản phẩm thép cán nguội đặc biệt được đề nghị xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp CBPG, Bộ Công Thương sẽ có thông báo tiếp nhận hồ sơ miễn trừ theo quy định tại Thông tư 37/2019/TT-BCT.

Bộ Công Thương ban hành Quyết định rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn có xuất xứ từ Trung Quốc (AR01.AD04).

Trên cơ sở nội dung hồ sơ đề nghị rà soát đã tiếp nhận, ngày 18/12/ 2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3372/QĐ-BCT về việc tiến hành rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn có xuất xứ từ Trung Quốc (mã vụ việc AR01.AD04).

Ngày 24/10/2019, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3198/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn có xuất xứ Trung Quốc và Hàn Quốc (mã vụ việc Ad04).

Ngày 10/11/2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2880/QĐ-BCT về việc rà soát nhà xuất khẩu mới. Ngày 20/8/2020, Bộ Công Thương thông báo nhận hồ sơ yêu cầu rà soát lần thứ nhất của vụ việc.

Quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 20/11/2020 về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép mạ - AR01.AD02

Ngày 20/11/ 2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3023/QĐ-BCT thay thế Qđ số 2717/QĐ-BCT ngày 20/10/2020

về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép mạ (tôn mạ) nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc.

Các quyết định miễn trừ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành trước ngày quyết định này có hiệu lực được tiếp tục có giá trị thực hiện đến hết thời hạn hiệu lực của quyết định miễn trừ đó.

Theo đó, mức thuế chống bán phá giá (áp dụng từ ngày 25/10/2020 đến 14/4/2022) sẽ từ 3,17 – 38,34% cho từng công ty. Quyết định số 3024/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình chữ H – AR01.AD03

Ngày 20/11/2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3024/QĐ- BCT thay thế Qđ số 2716/QĐ-BCT ngày 20 tháng 10 năm 2020 về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình chữ H gồm các mã HS: 7216.33.11, 7216.33.19, 7216.33.90, 7228.70.10, 7228.70.90 nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc

Các quyết định miễn trừ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành trước ngày quyết định này có hiệu lực được tiếp tục có giá trị thực hiện đến hết thời hạn hiệu lực của quyết định miễn trừ đó.

2. Nước ngoài khởi xướng điều tra các sản phẩm thép Việt Nam

Kể từ năm 2004 đến năm 2020, nước ngoài kiện thép xuất khẩu của Việt Nam là 63 vụ việc. Trong đó có 35 vụ kiện chống bán phá giá; 3 vụ kiện chống trợ cấp; 6 vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp và 13 vụ kiện điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.

Pakistan tiếp nhận Hồ sơ yêu cầu điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cán nguội nhập khẩu hoặc có xuất xứ từ Việt Nam, Đài Loan, EU và Hàn Quốc.

Ngày 28/12/2020, Ủy ban Thuế quan quốc gia (National Tariff Commission – NTC), Cộng hòa Hồi giáo Pakistan đã tiếp nhận hồ sơ yêu cầu điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cán nguội nhập khẩu hoặc có xuất xứ từ Việt Nam, Đài Loan, EU và Hàn Quốc.

Sản phẩm bị cáo buộc bán phá giá là thép cán nguội (Cold Rolled Coils/Sheets/Strips) mã HS: 7209.1510, 7209.1590, 7209.1610, 7209.1690, 7209.1710, 7209.1790, 7209.1810, 7209.1890, 7209.1891, 7209.1899, 7209.2510, 7209.2590, 7209.2610, 7209.2690, 7209.2710, 7209.2790, 7209.2810, 7209.2890 và 7211.2920.

Trong trường hợp chính thức khởi

xướng điều tra, NTC có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp nhiều thông tin, số liệu về doanh nghiệp trong giai đoạn 2019 – 2020 (chẳng hạn như chi tiết các giao dịch bán hàng nội địa và xuất khẩu, các loại chi phí, hệ thống tài khoản và hóa đơn...). Malaysia ban hành kết luận cuối cùng vụ việc điều tra chống bán phá giá thép mạ nhôm kẽm có xuất xứ từ Việt Nam.

Ngày 23/12/2020, Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Malaysia (MITI) ban hành kết luận cuối cùng trong vụ việc điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép mạ nhôm và kẽm có xuất xứ từ Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Theo đó, MITI xác định biên độ phá giá của Việt Nam từ 1,56% đến 37,14%. Trong đó, Công ty Tôn Phương Nam (SSSC) được xác định có biên độ bán phá giá không đáng kể (dưới 2%) nên không bị áp dụng biện pháp CBPG. Mức thuế CBPG áp dụng đối với doanh nghiệp còn lại của Việt Nam từ 3,06% đến 37,14%; Trung Quốc từ 2,18% đến 18,88% và Hàn Quốc từ 9,98% đến 34,94%.

MITI khởi xướng điều tra vụ việc vào ngày 13/3/2020. Ngày 13/8/2020, MITI

đã quyết định áp thuế CBPG tạm thời.

Malaysia ban hành kết luận sơ bộ vụ việc điều tra chống bán phá giá thép cán nguội không gỉ có xuất xứ từ Việt Nam.

Ngày 28/12/2020, MITI thông báo đã hoàn thành kết luận sơ bộ trong vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nguội không gỉ có xuất xứ từ Việt Nam và Indonesia. Theo đó, MITI cho rằng có đủ bằng chứng để tiếp tục cuộc điều tra nói trên.

Vì vậy, MTI quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời nhằm ngăn chặn sự thiệt hại của ngành sản xuất trong nước trong vòng 120 ngày, kể từ ngày 26/12/2020. Mức thuế tạm thời được áp dụng từ 7,73% đến 34,82% cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam và Indonesia.

Kết luận cuối cùng trong vụ việc điều tra trên sẽ được ban hành muộn nhất vào ngày 23/4/2021.

Canada khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm thép cốt bê tông nhập khẩu từ Việt Nam.

Ngày 22/9/2020, Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) thông báo khởi xướng điều tra CBPG đối với sản

phẩm thép cốt bê tông (Concrete reinforcing bar – mã HS: 7213.10, 7214.20, 7215.90, 7727.90) có xuất xứ từ Việt Nam và một số nước.

Nguyên đơn: ArcelorMittal Long Products Canada G.P (nhà sản xuất thép cốt bê tông lớn nhất Canada), AltaSteel Inc., Gerdau Ameristeel Corporation.

Thời kỳ điều tra: 1/6/2019 - 30/6/2020.

Thời kỳ phân tích khả năng sinh lời: 1/4/2019 - 30/6/2020.

Thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra là ngày 29/10/ 2020.

Canada không áp thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm thép chống ăn mòn nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 16/10.2020, Canada đã thông báo kết luận cuối cùng vụ việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với thép chống ăn mòn (còn gọi là tôn mạ - COR) nhập khẩu từ một số nước, trong đó có Việt Nam.

Theo đó, sau quá trình điều tra vụ việc từ tháng 11/, trên cơ sở thông tin do Chính phủ Việt Nam cung cấp, Canada đã kết luận Chính phủ Việt Nam không trợ cấp cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu thép COR, do đó sẽ không áp thuế chống trợ cấp với mặt

hàng thép này nhập khẩu từ Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong kết luận cuối cùng, Canada cũng điều chỉnh giảm thuế chống bán phá giá đáng kể so với quyết định sơ bộ. Cụ thể các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia hợp tác đầy

đủ trong vụ việc (chiếm khoảng 97% tổng kim ngạch xuất khẩu thép COR từ Việt Nam sang Canada) có mức thuế chống bán phá giá giảm từ 36,3% - 91,8% trong giai đoạn sơ bộ xuống còn 2,3% - 16,2% trong kết luận cuối cùng.



Phần 5

HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH



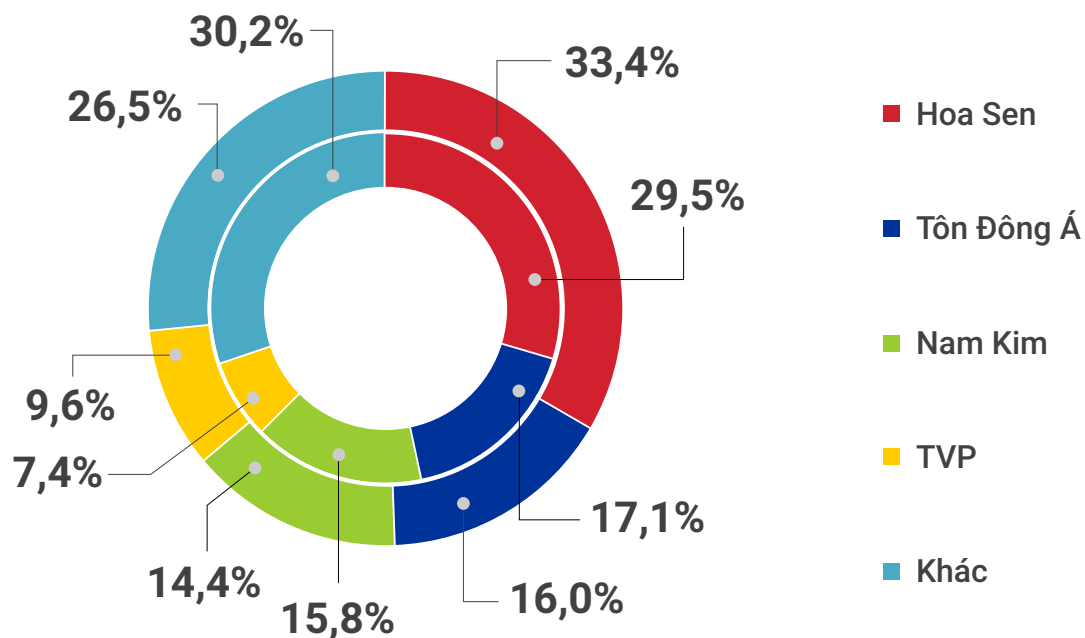


Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG).

Trong niên độ tài chính từ 1/10/2019 đến 30/9/2020, Hoa Sen ghi nhận doanh thu 27.534 tỷ đồng, xấp xỉ niên độ trước; lợi nhuận sau thuế tăng 219% lên 1.151 tỷ đồng và vượt xa kế hoạch 400 tỷ đồng mà đại hội cổ đông

đề ra. Sản lượng tiêu thụ đạt 1,62 triệu tấn, vượt 8% kế hoạch.

Hoa Sen tiếp tục vị thế dẫn đầu ngành tôn mạ và gia tăng thị phần từ 29,5% vào năm 2019 lên 33,4% vào năm 2020. Ở mảng ống thép, thị phần của Hoa Sen cũng cải thiện từ 15,3% lên 16,8%, chỉ sau Tập đoàn Hòa Phát.



Biểu đồ 17: Thị phần tôn mạ năm 2020 (vòng ngoài) và 2019 (vòng trong)
(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ VSA).

Tại ngày cuối niên độ 2019-2020, Hoa Sen có tổng cộng 7.209 nhân sự, trong đó 58% thuộc khối kinh doanh, 30% làm nhiệm vụ sản xuất và 12% thuộc khối văn phòng. So với một năm trước, tổng số lao động của Hoa Sen tăng 572 người, tương đương 8,6%. Đây là lần đầu tiên trong ba năm trở lại đây số

lượng cán bộ công nhân viên của Hoa Sen tăng lên.

Trong niên độ mới, Hoa Sen đặt kế hoạch tiêu thụ 1,8 triệu tấn sản phẩm, doanh thu thuần ước đạt 33.000 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng 11% và 20% so với thực hiện trong niên độ trước. Lợi nhuận sau thuế phần đầu

đạt 1.500 tỷ đồng, tăng 30%.

Để hoàn thành được các mục tiêu trên, Hoa Sen dự định sẽ phát triển hệ thống siêu thị vật liệu xây dựng và nội thất Hoa Sen Home thông qua nâng cấp các cửa hàng truyền thống và mở mới trên toàn quốc.

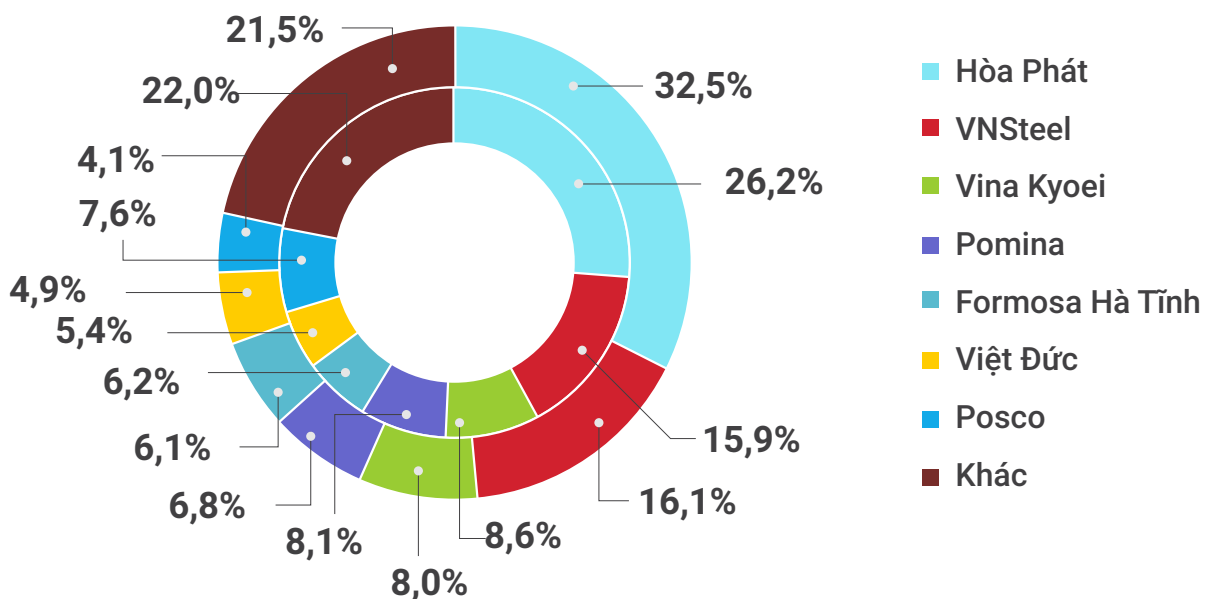
Hoa Sen cũng dự kiến hợp tác với các nhà cung cấp trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, nội thất để phân phối, bán lẻ các sản phẩm thông qua hệ thống siêu thị Hoa Sen Home. Trong giai đoạn trung và dài hạn, tập đoàn sẽ tập trung vào các nhóm sản phẩm chính như: Thép xây dựng, thép hình, inox, lưới B40, sơn nước, gạch ốp lát, đá ốp, thiết bị vệ sinh, thiết bị nhà bếp, vật liệu hàn, sơn kim loại, ...



Tập đoàn Hòa Phát
(Mã: HPG)

Năm 2020 vừa qua, Hòa Phát bán ra hơn 5 triệu tấn thép, trong đó có 1,7 triệu tấn phôi thép. Tiêu thụ thép xây dựng thành phẩm đạt 3,4 triệu tấn, tăng 22,5% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 540.000 tấn, cao gấp đôi so với năm trước. Các thị trường quốc tế chủ yếu là Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, ...

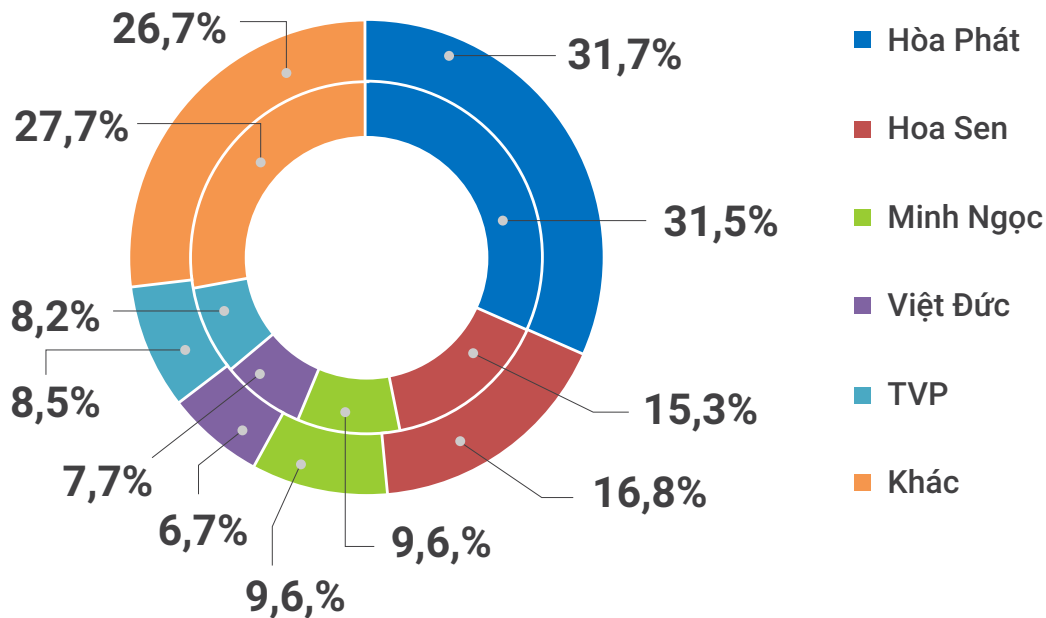
Thị phần thép xây dựng của Hòa Phát tăng đáng kể từ 26,2% năm 2019 lên 32,5% năm 2020. Theo phân tích của Chứng khoán SSI, thành tích này đạt được là nhờ Hòa Phát tăng công suất từ Khu liên hợp Dung Quất và có lợi thế cạnh tranh đáng kể về quy mô và



Biểu đồ 17: Thị phần thép xây dựng năm 2020 (vòng ngoài) và 2019 (vòng trong)
(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ VSA).

Thị phần ống thép nhích nhẹ từ 31,5% lên 31,7%, tiếp tục dẫn đầu thị trường.

Sản lượng tiêu thụ cả năm đạt 822.000 tấn, tăng 9,5% so với năm 2019.



Biểu đồ 17: Thị phần ống thép năm 2020 (vòng ngoài) và 2019 (vòng trong)
(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ VSA).

Trong báo cáo phân tích mới đây, Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) ước tính doanh thu thuần quý IV của Hòa Phát có thể đạt 26.993 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm ngoái; lợi nhuận sau thuế khoảng 4.855 tỷ đồng, tăng 153%.

BVSC dự báo doanh thu thuần và lãi sau thuế trong cả năm 2020 lần lượt đạt 91.334 tỷ đồng (tăng 43,5%) và 13.656 tỷ đồng (tăng 81,4%). Kết quả kinh doanh của Hòa Phát được dự đoán khởi sắc rõ rệt là do ba yếu tố:

Thứ nhất, ước tính sản lượng tiêu thụ thép cuộn cán nóng (HRC) tăng từ 577.000 tấn năm 2020 lên 685.000 tấn. Thứ hai, giá bán HRC và thép xây dựng tăng mạnh. Theo Chứng khoán HSC, giá bán thép xây dựng của Hòa Phát đã tăng bình quân 26,7% trong giai đoạn từ 1/11 đến 22/12/2020.

Hòa Phát hiện đã có thể ký hợp đồng bán hàng cho đợt giao tháng 2 - 3/2021 với mức giá HRC khoảng 16 - 16,1 triệu đồng/tấn (chưa bao gồm VAT), cao hơn đáng kể so với mức

12,3 triệu đồng/tấn khi giao hàng vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2020.

Thứ ba, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng chậm hơn giá bán và có độ trễ khi thể hiện vào giá vốn sản xuất giúp biên lợi nhuận gộp của HRC và thép xây dựng ước đạt 25,8% và 28,9% trong quý IV.



Tổng công ty Thép Việt Nam (VNSteel)

Báo Bnews dẫn lời Phó Tổng Giám đốc Phạm Công Thảo cho biết trong năm 2020 vừa qua, VNSteel (bao gồm công ty mẹ, công ty con và liên kết) đã sản xuất 4,03 triệu tấn thép thành phẩm, đạt 111% kế hoạch và tăng 2% so với năm 2019; tiêu thụ 4,09 triệu tấn, đạt 113% kế hoạch và tăng 2% so với năm trước đó.

Thép cán dài tiêu thụ 3,25 triệu tấn, giảm 2%; thép cán nguội tiêu thụ gần 518.000 tấn, tăng 39%; tôn mạ tiêu thụ hơn 325.000 tấn, tăng 11% so với năm 2019.

Doanh thu thuần cả năm vừa qua là 78.169 tỷ đồng; trong đó, công ty mẹ đạt 2.488 tỷ đồng, khối công ty con đạt 41.675 tỷ đồng và khối công ty liên kết 34.005 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 891 tỷ đồng; trong đó, công ty mẹ đạt 56 tỷ đồng, khối công ty con 621 tỷ đồng và khối công ty liên kết 213 tỷ đồng.



Công ty cổ phần thép Nam Kim (Mã: NKG)

Trong năm 2020, Nam Kim tiêu thụ 565.000 tấn tôn mạ, đứng thứ 3 với 14,37% thị phần, chỉ sau Hoa Sen và Tôn Đông Á. Công ty cũng bán ra 140.500 tấn ống thép, tăng trưởng gần 70% so với năm ngoái. Thị phần ống thép của Nam Kim tăng từ 3,48% năm 2019 lên 5,42% năm 2020.

Trong báo cáo phân tích tháng 12/2020, Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) dự báo kết quả kinh doanh của Nam Kim trong quý IV nhiều khả năng vẫn tích cực nhờ sản lượng tiêu thụ và biên gộp cao. Công ty sẽ vận hành tối đa công suất các nhà máy trong 4 tháng đầu 2021 nhờ lượng đơn hàng xuất khẩu lớn sang Châu Âu.

Do đó, doanh số nhiều khả năng ổn định ở mức 200.000 tấn trong quý IV, tương tự quý III. Bên cạnh đó, giá thép HRC liên tục tăng cao sẽ giúp cho biên lãi gộp của Nam Kim được hỗ trợ và dao động trong khoảng 6,5-7,2% trong quý IV. VDSC tin tưởng lợi nhuận của

Nam Kim cả năm sẽ vượt mục tiêu 200 tỷ đồng đã đặt ra.

Nam Kim sẽ tập trung vào thị trường miền Nam trong năm tới khi lên kế hoạch đầu tư một nhà kho mới tại tỉnh Bình Dương, đồng thời, hoãn dự án xây dựng nhà máy ống thép mới tại tỉnh Quảng Ngãi.

Do lượng đơn đặt hàng tăng mạnh, công ty cần thêm không gian cho hàng tồn kho. Nam Kim dự kiến sẽ đầu tư khoảng 250 tỷ đồng để xây dựng một nhà kho rộng khoảng 4 ha, gần các nhà máy chính của công ty tại Bình Dương.

Theo ban lãnh đạo, công ty có khả năng vay vốn ở mức lãi suất từ 8-9%/năm để tài trợ một phần dự án trên. Tuy nhiên, công ty sẽ cố gắng duy trì vay nợ dài hạn ổn định ở mức ngang năm 2020. Trong khi đó, dự án nhà máy ống thép tại Chu Lai đã bị hoãn để tập trung cho thị trường miền Nam, được đánh giá có triển vọng tốt hơn so với miền Trung.

VDSC cho biết Nam Kim đặt mục tiêu năm 2021 bán khoảng 840.000 tấn sản phẩm và thu về 240 tỷ đồng lợi nhuận.



NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)

Trung tâm Thông tin Công Nghiệp và Thương Mại (VITIC)

Hiệp hội thép Nhật Bản

Viện Sắt thép Mỹ

World Steel

MySteel

SteelHome

Trading Economics

Fastmarkets

Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép năm 2020” được ban biên tập của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Sử dụng thông tin và số liệu. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo “Thị trường thép năm 2020” chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI CÁC BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI,
XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:



Báo cáo thị trường thép
quý III/2020



Báo cáo thị trường thép
Tháng 10/2020



Báo cáo thị trường thép
Tháng 11/2020



Mục "Báo cáo ngành hàng"
- VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG,
XIN LIÊN HỆ TỚI ĐỊA CHỈ:

Trịnh Huyền Trang - *Thư ký toàn soạn - trang TTĐTTH VietnamBiz*

Email: info@vietnambiz.vn
ĐT: 0995222999



Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP